

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 01 tháng 7/2026

www.tbt.gov.vn



AI bước vào điện ảnh: Đổi mới sáng tạo cần đi cùng niềm tin



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

AI bước vào điện ảnh: Đổi mới sáng tạo cần đi cùng niềm tin



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

5

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 01/7/2026 - 10/7/2026

8

Tin cảnh báo TBT số 01 tháng 7/2026

14

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Quan ngại thương mại

17

Quan ngại thương mại của Hàn Quốc và Nhật Bản đối với quy định bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với lốp xe tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban TBT/WTO



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

21

Liên minh Châu Âu và một số quốc gia thành viên – một số biện pháp về nhập khẩu và tiếp thị nhiên liệu sinh học và các biện pháp hỗ trợ ngành công nghiệp nhiên liệu sinh học (Phần 1)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

AI bước vào điện ảnh: Đổi mới sáng tạo cần đi cùng niềm tin

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng hiện diện rõ nét trong ngành công nghiệp điện ảnh. Từ hỗ trợ phát triển kịch bản, dựng hình ảnh, tạo hiệu ứng, chỉnh sửa âm thanh đến mô phỏng giọng nói và hình ảnh con người, AI đang mở ra những phương thức sản xuất nội dung mà chỉ vài năm trước còn khó hình dung.



Những công cụ này có thể giúp rút ngắn thời gian sản xuất, giảm chi phí và tạo thêm không gian thử nghiệm cho các nhà làm phim. Một cảnh quay có thể được hình dung trước bằng AI; hình ảnh, âm thanh hay hiệu ứng có thể được tạo và điều chỉnh nhanh hơn; một số công việc hậu kỳ vốn mất nhiều thời gian cũng có thể được tự động hóa.

Tuy nhiên, khi AI tham gia ngày càng sâu vào quá trình sáng tạo, những câu hỏi về độ tin cậy, quyền sở hữu, tính minh bạch và trách nhiệm cũng trở nên rõ ràng hơn.

Việc sử dụng hình ảnh hoặc giọng nói được tạo bằng AI, chẳng hạn, đặt ra vấn đề về sự đồng ý của diễn viên và quyền kiểm soát đối với hình ảnh cá nhân. Nội dung do AI tạo ra cũng làm nảy sinh câu hỏi về tác quyền và nguồn gốc dữ liệu được sử dụng để huấn luyện hệ thống. Nếu người xem không thể phân biệt đâu là hình ảnh thật, đâu là nội dung tổng

hợp, vấn đề không chỉ còn nằm ở công nghệ mà còn liên quan trực tiếp đến niềm tin đối với sản phẩm sáng tạo.

Bên cạnh đó, AI không phải lúc nào cũng tạo ra kết quả trung lập. Hệ thống được huấn luyện từ dữ liệu sẵn có có thể lặp lại hoặc khuếch đại những thiên lệch về giới, văn hóa hay cách thể hiện các nhóm xã hội. Trong một ngành mà câu chuyện, hình ảnh và cách đại diện có ảnh hưởng lớn đến công chúng như điện ảnh, những rủi ro này cần được xem xét ngay từ khi lựa chọn và triển khai công nghệ.

Theo IEC, đây là lý do ngành điện ảnh cũng cần tiếp cận AI dưới góc độ AI đáng tin cậy, thay vì chỉ tập trung vào khả năng mà công nghệ có thể tạo ra.

Một trong những công cụ hỗ trợ cách tiếp cận này là ISO/IEC 42001, tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo. Tiêu chuẩn đưa ra một khuôn khổ để tổ chức xác định cách AI được phát triển và sử dụng, nhận diện các rủi ro và tác động, xác lập trách nhiệm, theo dõi hoạt động của hệ thống và liên tục cải tiến cách thức quản lý AI.

Đối với ngành điện ảnh, cách tiếp cận này có thể áp dụng không chỉ cho các hãng phim mà còn cho công ty hậu kỳ, nhà cung cấp công nghệ, nền tảng phân phối nội dung và các tổ chức sử dụng AI trong hoạt động sáng tạo. Thay vì xử lý từng vấn đề sau khi phát sinh, một hệ thống quản lý giúp đưa các câu hỏi về minh bạch, trách nhiệm, quyền của các bên liên quan và quản lý rủi ro vào ngay trong quá trình lựa chọn và sử dụng công nghệ.

Điều này đặc biệt quan trọng khi ranh giới giữa nội dung do con người sáng tạo và nội dung do máy tạo ra ngày càng khó nhận biết. Khả năng tạo ra một khuôn mặt, giọng nói hoặc cảnh quay chân thực bằng AI có thể mang lại giá trị sáng tạo lớn, nhưng chính khả năng đó cũng đòi hỏi các cơ chế rõ ràng để xác định nguồn gốc, sự cho phép và trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng.

Sự phát triển của AI vì vậy không nhất thiết đặt công nghệ và sáng tạo của con người ở hai phía đối lập. Thách thức lớn hơn là xây dựng cách sử dụng AI để công nghệ hỗ trợ quá trình sáng tạo mà không làm suy giảm quyền lợi của con người, tính toàn vẹn của tác phẩm và niềm tin của khán giả.

Trong điện ảnh cũng như nhiều lĩnh vực khác, đổi mới công nghệ có thể diễn ra rất nhanh, trong khi các quy tắc và phương thức quản lý thường cần nhiều thời gian hơn để thích ứng. Việc áp dụng những khuôn khổ chung như ISO/IEC 42001 cho thấy tiêu chuẩn quốc tế có thể đóng vai trò kết nối giữa hai quá trình này: tạo điều kiện để AI tiếp tục được ứng dụng, nhưng trong một môi trường có trách nhiệm, minh bạch và đáng tin cậy hơn.

Nguồn: IEC, Lights, camera, AI: the need for trustworthy AI in the film industry.

<https://www.principal.iec.ch/blog/lights-camera-ai-need-trustworthy-ai-film-industry>

DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC

TỪ 01/7/2026 – 10/7/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ai Cập	1	Tiêu chuẩn đối với găng tay khám y tế sử dụng một lần làm từ polyvinyl chloride (PVC).
Ấn Độ	1	Sửa đổi yêu cầu thiết yếu và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị chuyển mạch mạng LAN (LAN Switch).
Ả Rập Xê Út	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Bahrain	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Brazil	2	Đính chính thông tin đối với văn bản liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông; nguyên tắc và hướng dẫn nhận diện phê duyệt ANATEL đối với điện thoại di động, pin lithium và bộ sạc điện thoại.
Burundi	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	4	Yêu cầu kỹ thuật đối với nhiên liệu diesel pha biodiesel B5-B20; xăng dùng cho xe đua; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) gồm hỗn hợp propane và butane thương mại; tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Chile	1	Hướng dẫn kiểm soát theo lô đối với dược phẩm sử dụng cho người và các thủ tục liên quan nhằm bảo đảm chất lượng, an toàn trước khi phân phối và sử dụng.
Colombia	1	Sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật về ghi nhãn sử dụng năng lượng hợp lý đối với một số thiết bị sử dụng điện và khí đốt.
Costa Rica	2	Công nhận tương đương tiêu chuẩn đối với xi măng thủy lực; yêu cầu hiệu suất năng lượng đối với tủ lạnh và tủ đông gia dụng.
Đài Loan	3	Sửa đổi yêu cầu kiểm tra bắt buộc đối với thiết bị nguồn điện, bao gồm pin dự phòng lithium; yêu cầu kiểm tra đối với găng tay PVC gia dụng; sửa đổi yêu cầu kiểm tra đối với thiết bị nguồn điện, bao gồm bộ sạc ngoài xe cho xe máy điện.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Dominica	2	Tiêu chuẩn đối với mật ong; yêu cầu ghi nhãn đối với thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất nông nghiệp.
Hàn Quốc	7	Sửa đổi tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe; tiêu chuẩn đối với phích cắm, ổ cắm, đầu nối và hệ thống sạc dẫn điện cho xe điện; sửa đổi tiêu chuẩn và tiêu chí chất lượng đối với sản phẩm gỗ.
Hoa Kỳ	6	Tiêu chí sửa chữa đường ống vận chuyển khí và chất lỏng nguy hiểm; tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí nguy hại đối với gỗ dán và sản phẩm gỗ composite; tiêu chuẩn an toàn đối với thanh chắn giường di động cho người lớn; quy định phát thải đối với phương tiện hạng nặng; quy trình và phương pháp phân tích xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng.
Kenya	5	Giới hạn kim loại nặng đối với lá nguyệt quế; tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng; quy định về chứng nhận sản phẩm; đo lường khoa học và công nghiệp; thử nghiệm và chỉ định phòng thử nghiệm.
Kuwait	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Liên minh châu Âu	7	Miễn trừ giới hạn chì và cadimi trong một số thiết bị điện, điện tử theo RoHS; hệ thống đánh giá và xác minh đối với sản phẩm xây dựng; hạn chế và cấm một số chất trong mỹ phẩm; không gia hạn hoặc không phê duyệt một số hoạt chất trong sản phẩm diệt khuẩn; không gia hạn hoạt chất buprofezin trong thuốc bảo vệ thực vật.
Nam Phi	1	Quy chuẩn bắt buộc đối với kính an toàn và các vật liệu kính an toàn khác.
Nhật Bản	2	Sửa đổi quy định đối với hệ thống truyền điện không dây sử dụng băng tần 920 MHz; sửa đổi tiêu chuẩn ghi nhãn đối với thực phẩm có công bố chức năng dinh dưỡng.
Oman	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Panama	1	Quy trình đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống kết nối và bình nhôm chứa khí loại 25 lb.
Peru	1	Quy định về chất lượng nước dùng cho người, bao gồm yêu cầu đối với hóa chất khử trùng, vật liệu xử lý nước, hệ thống lọc và giám sát chất lượng nước.



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Pháp	1	Yêu cầu về hiệu suất môi trường đối với việc lắp đặt thiết bị sưởi và sản xuất nước nóng sinh hoạt trong các công trình xây dựng.
Qatar	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Rwanda	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Tanzania	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Thái Lan	1	Sửa đổi điều kiện miễn trừ khi nhập khẩu một số chất nguy hiểm thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Thái Lan.
Thổ Nhĩ Kỳ	1	Sửa đổi quy định của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ đối với gia vị.
Trung Quốc	34	Phương pháp thử đối với vật liệu nổ công nghiệp, kíp nổ và dây nổ; nhiên liệu ethanol biến tính; giống khoai lang; nguyên liệu sản xuất kem đánh răng; hiệu suất năng lượng máy nén khí; yêu cầu đối với giày, găng tay, dây đai, mũ, thiết bị bảo vệ hô hấp và các phương tiện bảo hộ cá nhân chống hồ quang điện, nhiệt, tĩnh điện và môi trường lạnh; thiết bị đo oxy mô não; an toàn tháo dỡ, nghiền pin kéo xe điện; đăng ký quản lý môi trường đối với hóa chất mới; yêu cầu phát hiện và tránh chướng ngại vật, ghi dữ liệu và an ninh mạng đối với thiết bị bay không người lái dân dụng; độ bền ghế ô tô, cơ cấu neo và tựa đầu.
Úc	1	Rà soát tiêu chuẩn an toàn bắt buộc đối với đồ chơi trẻ em có chứa nam châm.
Uganda	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Ukraina	5	Thủ tục cấm, tạm cấm và thu hồi thuốc khỏi lưu thông; sửa đổi thủ tục thông báo thông tin về mỹ phẩm; danh mục công bố đặc tính đối với thức ăn chăn nuôi dùng cho mục đích dinh dưỡng đặc biệt; đăng ký các chất được phép sử dụng trong vật liệu tiếp xúc thực phẩm và quy trình tái chế nhựa; sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật đối với mỹ phẩm.
Vương quốc Anh	1	Hạn chế các chất nguy hiểm trong mực xăm và sản phẩm trang điểm vĩnh viễn theo UK REACH.
Yemen	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.



TIN CẢNH BÁO 01/7/2026 – 10/7/2026

Trung Quốc đề xuất yêu cầu mới đối với nguyên liệu sử dụng trong kem đánh răng



Ngày 10/7/2026, Trung Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia quy định các yêu cầu chung đối với nguyên liệu sử dụng trong kem đánh răng.

Theo thông báo, dự thảo quy định các yêu cầu đối với thành phần nguyên liệu sử dụng để sản xuất kem đánh răng, trong đó bao gồm danh mục các chất

bị cấm, các thành phần bị hạn chế sử dụng, các chất bảo quản được phép sử dụng và các chất tạo màu được phép sử dụng.

Tiêu chuẩn dự kiến áp dụng đối với kem đánh răng được sản xuất và lưu thông trên lãnh thổ Trung Quốc, thuộc nhóm HS 330610. Các sản phẩm kem đánh răng được sản xuất tại Trung Quốc nhưng chỉ dành riêng cho xuất khẩu ra nước ngoài không thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu kem đánh răng, sản phẩm chăm sóc răng miệng sang thị trường Trung Quốc. Khi tiêu chuẩn được ban hành, doanh nghiệp có thể phải rà soát lại công thức sản phẩm, nguồn gốc và thành phần nguyên liệu, đặc biệt là chất bảo quản, chất tạo màu và các thành phần thuộc diện hạn chế.

Việc thay đổi danh mục các chất được phép hoặc bị hạn chế cũng có thể dẫn đến yêu cầu điều chỉnh công thức, thay thế nguyên liệu hoặc bổ sung hồ sơ kỹ thuật nhằm chứng minh sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường Trung Quốc. Doanh nghiệp cần chủ động đối chiếu thành phần sản phẩm với dự thảo và theo dõi các yêu cầu cụ thể trước khi tiêu chuẩn chính thức có hiệu lực.

Mục tiêu của biện pháp là bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người, bảo vệ người tiêu dùng và phòng ngừa các hành vi có thể gây hiểu lầm.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Tiêu chuẩn dự kiến có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày được phê duyệt.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 08/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crattachments/2026/TBT/CHN/26_03560_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/CHN/2270.



Liên minh châu Âu đề xuất cấm và hạn chế thêm một số chất sử dụng trong mỹ phẩm



Ngày 08/7/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi Quy định (EC) số 1223/2009 liên quan đến việc sử dụng một số chất trong sản phẩm mỹ phẩm, bao gồm các chất được phân loại là gây ung thư, gây đột biến hoặc độc đối với sinh sản.

Theo thông báo, dự thảo được xây dựng nhằm cập nhật Quy định về mỹ phẩm của EU phù hợp với việc phân loại mới đối với các chất CMR theo quy định của EU về phân loại, ghi nhãn và đóng gói hóa chất.

Đáng chú ý, EU đề xuất cấm sử dụng Benzophenone-1, Benzophenone-2, Basic Brown 16, Basic Blue 99 và các chất tương tự prostaglandin trong mỹ phẩm trên cơ sở kết luận đánh giá an toàn của Ủy ban Khoa học về An toàn Người tiêu dùng (SCCS).

Dự thảo đồng thời đưa ra hoặc cập nhật các hạn chế sử dụng đối với một số chất như Butylated Hydroxyanisole (BHA), Butylparaben, Cannabidiol (CBD) và Hydroxyapatite dạng nano. Một số ngoại lệ hiện hành đối với chất bảo quản có chứa thủy ngân cũng được đề xuất bãi bỏ.

Biện pháp áp dụng đối với sản phẩm mỹ phẩm. Đây là nội dung cần lưu ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc và các sản phẩm làm đẹp sang EU.

Các doanh nghiệp có sản phẩm chứa những thành phần thuộc phạm vi sửa đổi có thể phải rà soát lại công thức, nồng độ sử dụng và hồ sơ an toàn của nguyên liệu. Đối với các chất bị cấm, việc thay thế thành phần và điều chỉnh công thức có thể cần được thực hiện trước khi quy định mới có hiệu lực. Đối với các chất bị hạn chế, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý đến điều kiện và mức sử dụng được phép.

Mục tiêu của biện pháp là tăng cường bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng trước những nguy cơ có thể phát sinh từ việc tiếp xúc với các chất có đặc tính nguy hại trong mỹ phẩm.

Dự kiến biện pháp được thông qua trong quý IV/2026 và có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 06/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_03531_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1219.



Đài Loan đề xuất tăng cường kiểm tra đối với pin, sạc dự phòng lithium



Ngày 07/7/2026, Đài Loan thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi yêu cầu kiểm tra bắt buộc đối với thiết bị nguồn điện, trong đó có pin sạc dự phòng lithium thứ cấp.

Theo thông báo, Cơ quan Tiêu chuẩn, Đo lường và Kiểm tra (BSMI) đề xuất sửa đổi yêu cầu kiểm tra đối với 9 nhóm sản phẩm điện tử thuộc diện quản lý, bao gồm pin sạc dự phòng lithium và các thiết bị nguồn điện khác.

Một trong những thay đổi đáng chú ý là mở rộng phạm vi kiểm tra đối với pin, bao gồm cell pin lithium thứ cấp, khối pin, bộ pin, mô-đun hoặc hệ thống pin. Dự thảo cũng cập nhật phiên bản của các tiêu chuẩn kiểm tra áp dụng đối với sản phẩm.

Bên cạnh việc thử nghiệm sản phẩm, dự thảo đề xuất bổ sung kiểm tra tại nhà máy như một phần của thủ tục đánh giá sự phù hợp. Đây có thể là thay đổi đáng chú ý đối với nhà sản xuất nước ngoài khi đưa sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh vào thị trường Đài Loan.

Biện pháp áp dụng đối với pin lithium-ion và các loại ắc quy điện thuộc các nhóm HS 850760 và 850780. Đây là nhóm hàng liên quan đến các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, gia công hoặc xuất khẩu pin sạc dự phòng, bộ pin, linh kiện pin và các thiết bị nguồn điện.

Khi yêu cầu mới được áp dụng, doanh nghiệp có thể phải rà soát lại tiêu chuẩn thử nghiệm đang sử dụng, phạm vi chứng nhận của từng loại pin và thiết bị, đồng thời chuẩn bị cho yêu cầu đánh giá tại cơ sở sản xuất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra từ sản phẩm hoàn chỉnh sang cell, bộ pin, mô-đun và hệ thống pin cũng có thể làm tăng yêu cầu đối với hồ sơ kỹ thuật và quản lý chuỗi cung ứng.

Mục tiêu của dự thảo là tăng cường an toàn sản phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong bối cảnh các sản phẩm sử dụng pin lithium-ion ngày càng phổ biến và tiềm ẩn những rủi ro về an toàn nếu không được kiểm soát phù hợp.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2027.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 05/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/TPKM/26_03498_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/TPKM/601.



DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Thông tư 33/2026/TT-BCT	Thông tư 33/2026/TT-BCT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Cập nhật: 30/06/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-33-2026-TT-BCT-Danh-muc-hang-hoa-co-muc-do-rui-ro-trung-binh-muc-do-rui-ro-cao-710258.aspx
2	Văn bản hợp nhất 54/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 54/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	Cập nhật: 01/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-54-VBHN-BCT-2026-Thong-tu-huong-dan-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-713284.aspx
3	Văn bản hợp nhất 57/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 57/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật quản lý ngoại thương về biện pháp phát triển ngoại thương do	Cập nhật: 01/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-57-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-quan-ly-ngoai-thuong-713283.aspx

		Bộ Công Thương ban hành		
4	Văn bản hợp nhất 55/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 55/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại do Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 01/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-55-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-thuong-mai-ve-xuc-tien-thuong-mai-713549.aspx
5	Thông tư 98/2026/TT-BQP	Thông tư 98/2026/TT-BQP quy định về chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng cho các cơ sở sản xuất sản phẩm quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành	Cập nhật: 06/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Thong-tu-98-2026-TT-BQP-chung-nhan-He-thong-quan-ly-chat-luong-co-so-san-xuat-san-pham-quoc-phong-713744.aspx
6	Văn bản hợp nhất 60/VBHN-TT-BCT	Văn bản hợp nhất 60/VBHN-TT-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng natri hydroxit công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-60-VBHN-TT-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-quoc-gia-chat-luong-natri-hydroxit-cong-nghiep-713926.aspx
7	Văn bản hợp nhất 59/VBHN-TT-BCT	Văn bản hợp nhất 59/VBHN-TT-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng Poly Aluminium Chloride (PAC) do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Van-ban-hop-nhat-58-VBHN-TT-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-quoc-gia-chat-luong-amoniac-cong-nghiep-713924.aspx

8	Văn bản hợp nhất 63/VBHN-TT-BCT	Văn bản hợp nhất 63/VBHN-TT-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Van-ban-hop-nhat-63-VBHN-TT-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-muc-gioi-han-formaldehyt-san-pham-det-may-713929.aspx
---	------------------------------------	---	-------------------------	---



Quan ngại thương mại của Hàn Quốc và Nhật Bản đối với quy định bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với lốp xe tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban TBT/WTO

Ngày 11/4/2025, Indonesia đã thông báo cho các Thành viên WTO về Thông báo bổ sung G/TBT/N/IDN/13/Add.5 liên quan đến Quy định số 9 năm 2025 của Bộ Công nghiệp về việc áp dụng bắt buộc Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với lốp xe.

Quy định này đã được ban hành ngày 24/01/2025 nhằm thay thế các tiêu chuẩn kỹ thuật trước đây bằng bộ tiêu chuẩn SNI phiên bản năm 2019, bao gồm SNI 98:2019, SNI 99:2019, SNI 100:2019 và SNI 101:2019. Bên cạnh việc cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định cũng sửa đổi các yêu cầu về đánh giá nhà máy, chứng nhận sự phù hợp và lộ trình thực hiện đối với các doanh nghiệp sản xuất lốp xe trong nước và nước ngoài.

Theo quy định, từ ngày 24/7/2025 đến ngày 24/7/2026 là giai đoạn chuyển tiếp để các doanh nghiệp hoàn tất việc chuyển đổi sang bộ tiêu chuẩn SNI năm 2019 và cập nhật các chứng nhận phù hợp tương ứng. Ngày 03/6/2025, Bộ Công nghiệp Indonesia tiếp tục ban hành Quyết định số 2582 năm 2025, chỉ định các tổ chức chứng nhận và phòng thử nghiệm được công nhận để thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định mới.

Theo Indonesia, biện pháp nêu trên nhằm bảo đảm chất lượng và an toàn của lốp xe lưu thông trên thị trường Indonesia, tăng cường bảo vệ người tiêu dùng và thống nhất áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm lốp xe.

Hàn Quốc và Nhật Bản nêu quan ngại

Quan ngại của Hàn Quốc

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO, Hàn Quốc khẳng định ủng hộ mục tiêu chính đáng của Indonesia trong việc bảo đảm chất lượng và an toàn của sản phẩm lốp xe. Tuy nhiên, Hàn Quốc cho rằng một số quy định trong Điều 12 khoản 2 và khoản 3 của Quy định số 9 năm 2025 có thể tạo ra các hạn chế thương mại vượt quá mức cần thiết để đạt được mục tiêu này.



Theo quy định, các doanh nghiệp sản xuất lốp xe theo nhãn hiệu của bên thứ ba, bao gồm hoạt động sản xuất theo hợp đồng (contract manufacturing) hoặc theo thỏa thuận hợp tác, chỉ được phép thực hiện sau khi đã có Giấy chứng nhận SNI đối với nhãn hiệu riêng của chính mình. Hàn Quốc cho rằng yêu cầu này gây ảnh hưởng đáng kể đến các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình gia công hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng, mặc dù các doanh nghiệp này vẫn có đầy đủ năng lực kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu. Theo Hàn Quốc, quyền sở hữu nhãn hiệu không phải là yếu tố quyết định mức độ an toàn của sản phẩm. Việc bảo đảm chất lượng lốp xe phải được đánh giá thông qua hệ thống quản lý chất lượng, quy trình sản xuất và kết quả thử nghiệm sản phẩm, thay vì dựa trên việc doanh nghiệp có hay không sở hữu nhãn hiệu riêng. Do đó, Hàn Quốc cho rằng quy định này có dấu hiệu chưa phù hợp với Điều 2.2 của Hiệp định TBT, do có thể tạo ra các hạn chế thương mại lớn hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu chính đáng; và Điều 5.1.2 của Hiệp định TBT, theo đó các thủ tục đánh giá sự phù hợp không được áp dụng nghiêm ngặt hơn mức cần thiết để bảo đảm sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Hàn Quốc đề nghị Indonesia sửa đổi Điều 12 và bãi bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng nhận SNI cho nhãn hiệu riêng trước khi được sản xuất theo nhãn hiệu của bên thứ ba.

Quan ngại của Nhật Bản

Nhật Bản cũng bày tỏ quan ngại về khả năng thực hiện lộ trình chuyển đổi theo quy định mới.

Theo Nhật Bản, Quyết định số 2582 năm 2025 chỉ định 07 tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá đối với các nhà máy sản xuất trong nước, trong khi chỉ có 03 tổ chức chứng nhận trực thuộc Chính phủ được giao thực hiện đánh giá đối với các nhà máy ở nước ngoài. Sự chênh lệch về số lượng tổ chức chứng nhận khiến năng lực đánh giá đối với các cơ sở sản xuất ở nước ngoài bị hạn chế đáng kể. Bên cạnh đó, các đoàn đánh giá của các tổ chức chứng nhận này còn gặp khó khăn trong việc xin giấy phép xuất cảnh, dẫn đến nhiều cuộc đánh giá nhà máy bị chậm so với kế hoạch.

Ngoài ra, Quy định số 9 năm 2025 còn yêu cầu kiểm toán viên phải quay trở về trụ sở sau khi hoàn thành mỗi cuộc đánh giá nhà máy. Quy định này không còn cho phép thực hiện nhiều cuộc đánh giá liên tiếp trong cùng một chuyến công tác như trước đây, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực và kéo dài thời gian đánh giá đối với các nhà máy ở nước ngoài. Theo Nhật Bản, trong bối cảnh các doanh nghiệp phải hoàn thành việc chuyển đổi chứng

nhận trước ngày 24/7/2026, các hạn chế nêu trên khiến nhiều nhà sản xuất ở nước ngoài khó có thể hoàn tất thủ tục đúng thời hạn. Vì vậy, Nhật Bản đề nghị Indonesia xem xét kéo dài thời gian chuyển tiếp phù hợp với Điều 5.9 của Hiệp định TBT, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoàn thành việc chuyển đổi chứng nhận.

Indonesia trả lời quan ngại

Indonesia cảm ơn Hàn Quốc và Nhật Bản đã tích cực trao đổi về việc triển khai quy định bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia đối với lốp xe.

Indonesia khẳng định quy định được xây dựng và thực hiện trên cơ sở minh bạch, không phân biệt đối xử và hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu chính đáng của Hiệp định TBT, đặc biệt là bảo đảm an toàn sản phẩm và bảo vệ người tiêu dùng. Theo Indonesia, việc quy định áp dụng bắt buộc tiêu chuẩn SNI nhằm tạo sự rõ ràng và thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tại Indonesia. Trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn SNI, Indonesia đã tham khảo và tiếp thu các tiêu chuẩn quốc tế cũng như các tài liệu kỹ thuật liên quan nhằm bảo đảm tính hài hòa với thông lệ quốc tế.

Đối với quan ngại của Nhật Bản về thời gian chuyển tiếp, Indonesia cho biết các chứng nhận được cấp theo quy định cũ vẫn tiếp tục được công nhận trong thời hạn tối đa 01 năm kể từ khi quy định mới có hiệu lực. Khoảng thời gian này được xác định sau khi tiến hành đánh giá tác động của quy định và được đánh giá là đủ để cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoàn thành việc chuyển đổi. Indonesia nhấn mạnh rằng thời hạn 24/7/2026 đã được quy định trong văn bản pháp luật và hiện không có kế hoạch điều chỉnh. Tuy nhiên, Bộ Công nghiệp sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức chứng nhận để tối ưu hóa việc bố trí lịch đánh giá và phân bổ nguồn lực nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi.

Đối với quan ngại của Hàn Quốc về yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng nhận SNI đối với nhãn hiệu riêng, Indonesia giải thích rằng quy định này nhằm bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các nhà sản xuất và xác nhận doanh nghiệp đã chứng minh được năng lực kỹ thuật cũng như hệ thống quản lý chất lượng trước khi sản xuất theo nhãn hiệu của bên thứ ba. Indonesia cũng làm rõ rằng việc có chứng nhận SNI cho nhãn hiệu riêng không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp bắt buộc phải đưa sản phẩm mang nhãn hiệu đó ra thị trường. Trong trường hợp doanh nghiệp không kinh doanh sản phẩm dưới nhãn hiệu của mình, doanh nghiệp chỉ cần có chứng nhận SNI để chứng minh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, mà không phải xin cấp giấy chứng nhận lưu hành thương mại (SPPT SNI).



Cuối cùng, Indonesia cho biết sẽ tiếp tục xử lý các hồ sơ chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm các nguyên tắc minh bạch, khách quan và không phân biệt đối xử, đồng thời duy trì đối thoại kỹ thuật với Hàn Quốc và Nhật Bản nhằm bảo đảm việc triển khai quy định được thực hiện hiệu quả, phù hợp với các nghĩa vụ của Indonesia trong khuôn khổ WTO và không tạo ra các rào cản thương mại không cần thiết.

Nhận xét

Như vậy, quan ngại của Hàn Quốc và Nhật Bản phản ánh hai nhóm vấn đề khác nhau trong quá trình thực hiện quy định bắt buộc về SNI đối với lốp xe. Trong khi Hàn Quốc tập trung vào tính cần thiết và tính tương xứng của yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng nhận SNI cho nhãn hiệu riêng trước khi được sản xuất theo nhãn hiệu của bên thứ ba, thì Nhật Bản chủ yếu quan ngại về tính khả thi của quá trình chuyển đổi chứng nhận, đặc biệt đối với các nhà máy sản xuất ở nước ngoài do hạn chế về năng lực đánh giá và thời gian thực hiện. Qua vụ việc này, có thể thấy bên cạnh nội dung của quy định kỹ thuật, cách thức tổ chức thực hiện các thủ tục đánh giá sự phù hợp, năng lực của các tổ chức chứng nhận và tính hợp lý của lộ trình chuyển tiếp cũng là những yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại quốc tế và thường xuyên được các Thành viên WTO trao đổi tại Ủy ban TBT.



LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA THÀNH VIÊN – MỘT SỐ BIỆN PHÁP VỀ NHẬP KHẨU VÀ TIẾP THỊ NHIÊN LIỆU SINH HỌC VÀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ NGÀNH CÔNG NGHIỆP NHIÊN LIỆU SINH HỌC (Biodiesel) (DS 459) (Phần 3)

III. BẢN CHẤT CỦA CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH BỊ KHIẾU NẠI

Bên cạnh các quy định mang tính nguyên tắc trong các đạo luật khung, cốt lõi tạo nên sự phân biệt đối xử và triệt tiêu lợi thế cạnh tranh của sản phẩm diesel sinh học Argentina nằm ở **hệ thống các biện pháp hành chính và quy trình thủ tục**. Khảo sát thực tế các biện pháp áp dụng tại Liên minh Châu Âu (EU), đặc biệt là tại Ý, Bỉ và trong quy trình xem xét chung của Ủy ban Châu Âu, cho thấy các rào cản hành chính này vận hành như một bộ lọc kép, cô lập hàng nhập khẩu thông qua hai bản chất pháp lý – kỹ thuật cốt lõi.

1. Cơ chế cấp phép theo từng chuyến hàng (Shipment-by-Shipment Licensing) và Gánh nặng thủ tục phân biệt đối xử

Tại thị trường Ý, hệ thống pháp luật thiết lập một sự phân nhánh rõ rệt trong quy trình quản lý hành chính đối với nhiên liệu sinh học dựa trên tiêu chí xuất xứ:

- **Đối với sản phẩm nội địa EU:** Quy trình giám sát tính tuân thủ được thực hiện theo hệ thống chứng nhận tự động hoặc chứng nhận định kỳ theo chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Hàng hóa sau khi ra khỏi cơ sở sản xuất được lưu thông dựa trên cơ sở thừa nhận hệ thống quản lý chất lượng chung.

- **Đối với sản phẩm nhập khẩu từ các nước ngoài EU (như Argentina):** Quy định bắt buộc phải áp dụng **chế độ cấp phép nhập khẩu riêng biệt cho từng chuyến hàng (shipment-by-shipment)**. Việc cấp phép này không mang tính chất tự động mà phụ thuộc vào việc doanh nghiệp phải xuất trình một bộ tài liệu chứng minh phức tạp đối

với từng lô hàng cụ thể trước khi hàng được thông quan hoặc được tính vào nghĩa vụ pha trộn tối thiểu.

Phân tích tác động thương mại:

Biện pháp hành chính này tạo ra hai hệ quả bất lợi lớn cho hàng nhập khẩu:

- **Gia tăng chi phí giao dịch hành chính (Compliance Costs):** Việc phải chuẩn bị, dịch thuật và nộp các hồ sơ pháp lý, kỹ thuật riêng biệt cho từng chuyển hàng làm phát sinh chi phí nhân sự và vận hành liên tục cho nhà nhập khẩu, điều mà các nhà cung ứng nội khối EU được miễn trừ.

- **Rủi ro về mặt thời gian và lưu kho:** Tính chất không tự động của quy trình cấp phép tạo ra sự bất định về thời gian thông quan. Bất kỳ sự chậm trễ nào từ phía cơ quan hành chính trong việc xét duyệt hồ sơ của một chuyển hàng cụ thể đều đẩy doanh nghiệp vào tình thế phải chịu thêm chi phí lưu kho bãi, làm suy giảm đặc tính kỹ thuật của nhiên liệu sinh học do lưu trữ dài ngày, và làm mất đi tính linh hoạt khi ứng phó với biến động giá theo thời gian thực trên thị trường năng lượng.

2. Sự chậm trễ mang tính hệ thống trong quy trình công nhận hệ thống chứng nhận tự nguyện (Asymmetry in Conformity Assessment)

Để đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững theo Chỉ thị Năng lượng Tái tạo (RED) của EU, các quốc gia hoặc tổ chức ngoài khối thường xây dựng các **hệ thống chứng nhận tự nguyện (voluntary schemes)** phù hợp với chuỗi cung ứng nội địa của họ. Phòng Năng lượng sinh học Argentina (CARBIO) đã đệ trình yêu cầu lên Ủy ban Châu Âu để được công nhận hệ thống chứng nhận tự nguyện của mình đối với sản phẩm diesel sinh học. Tuy nhiên, quy trình hành chính này đã bộc lộ bản chất là một rào cản kỹ thuật thông qua sự chậm trễ có hệ thống.

Phân tích cấu trúc cản trở của quy trình hành chính:

[Hồ sơ hệ thống tự nguyện CARBIO]

|



[Quy trình xét duyệt của EU] —————▶ (Kéo dài vô thời hạn / Thiếu thời hạn phê duyệt tối đa)

|



[Hệ quả: Không được công nhận] —————▶ (Sản phẩm Argentina mất tư cách "bền vững" tại điểm đến)

|



[Hệ quả tài chính tiếp diễn] —————▶ (Bị loại khỏi diện miễn giảm thuế và hạn ngạch pha trộn)

- **Thiếu hụt các mốc thời gian hành chính minh bạch:** Quy trình xem xét và phê duyệt của các cơ quan chức năng EU đối với hồ sơ của CARBIO không được ràng buộc bởi các quy hạn chặt chẽ về mặt thời gian (ví dụ: quy định thời hạn tối đa phải ra quyết định phê duyệt hoặc từ chối). Sự mập mờ này cho phép cơ quan hành chính kéo dài quá trình thẩm định thông qua việc liên tục yêu cầu bổ sung thông tin hoặc giải trình.

- **Tác động triệt tiêu cơ hội thị trường:** Trong suốt thời gian quy trình hành chính này bị đình trệ, diesel sinh học của Argentina hoàn toàn không có cách nào được công nhận là "bền vững" tại các thị trường như Bỉ hay Ý. Do đó, mặc dù sản phẩm của Argentina về mặt khoa học có thể đạt hoặc vượt các tiêu chí cắt giảm phát thải, nó vẫn bị loại trừ khỏi diện được hưởng ưu đãi thuế hoặc không được các công ty dầu khí chọn mua vì không giúp họ hoàn thành nghĩa vụ pha trộn bắt buộc theo luật định.

Tựu trung lại, bản chất của các biện pháp hành chính bị khiếu nại trong vụ việc WT/DS459 là việc **chuyển hóa các mục tiêu kỹ thuật hợp pháp thành các rào cản thủ tục phi đối xứng**. Bằng cách tạo ra một quy trình hành chính phân biệt đối xử dựa trên xuất xứ (áp dụng cho từng chuyển hàng ngoài EU) và sử dụng sự chậm trễ trong quy trình

kiểm định hệ thống (TBT), EU và các quốc gia thành viên đã thiết lập một cơ chế bảo hộ gián tiếp nhưng hiệu quả. Cơ chế này làm thay đổi điều kiện cạnh tranh trên thị trường, đẩy rủi ro tài chính và rủi ro vận hành về phía nhà xuất khẩu Argentina, qua đó bảo hộ ngành sản xuất nhiên liệu sinh học nội địa của Liên minh Châu Âu mà không cần phải áp dụng các biện pháp cấm đoán thuế quan trực tiếp tại biên giới.

IV. KẾT LUẬN

Tranh chấp WT/DS459 thể hiện xung đột điển hình giữa các biện pháp pháp lý nhằm thực hiện mục tiêu môi trường, năng lượng nội địa với các nghĩa vụ thương mại đa phương đa quốc gia trong khuôn khổ WTO.

Hệ thống văn bản khiếu nại của Argentina đã bóc tách các chính sách của Liên minh Châu Âu và bốn quốc gia thành viên (Bỉ, Pháp, Ý, Ba Lan) từ cấp độ chỉ thị vĩ mô đến các công cụ thực thi kỹ thuật vi mô. Lập luận pháp lý của Argentina dựa trên cấu trúc đa tầng, chỉ ra rằng việc EU sử dụng các tiêu chí phân biệt đối xử dựa trên địa lý để cấp tư cách "bền vững", áp dụng cơ chế "cộng không" trị số năng lượng, giảm chỉ tiêu pha trộn dựa trên hàm lượng nội địa, và kéo dài quy trình kiểm định kỹ thuật (TBT) đã trực tiếp phá vỡ thể cân bằng cạnh tranh bình đẳng.

Bằng việc vi phạm dẫn đồng thời các vi phạm cốt lõi về Đối xử Quốc gia (GATT Điều III), hạn chế đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs), trợ cấp nội địa tạo lợi thế bất hợp pháp (SCM) và rào cản kỹ thuật vượt mức cần thiết (TBT), Argentina hướng tới mục tiêu buộc EU phải dỡ bỏ hoặc sửa đổi toàn bộ các rào cản hành chính và kỹ thuật này, nhằm khôi phục quyền tiếp cận thị trường một cách hợp pháp và bình đẳng cho sản phẩm diesel sinh học của mình. Văn bản này đóng vai trò là cơ sở pháp lý nền tảng để thiết lập chương trình nghị sự cho các phiên tham vấn song phương tiếp theo giữa hai bên thành viên WTO.

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 02 tháng 7/2026

www.tbt.gov.vn



Kiểm soát kim loại độc hại trong thiết bị điện tử



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Kiểm soát kim loại độc hại trong thiết bị điện tử



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 11/6/2026 - 20/6/2026

10

Tin cảnh báo TBT số 02 tháng 7/2026

16

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Quan ngại thương mại

18

Quan ngại thương mại của Trung Quốc đối với các yêu cầu đăng ký thuốc của Mexico tại phiên họp Ủy ban TBT WTO



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

21

Liên minh Châu Âu – các biện pháp cấm nhập khẩu và buôn bán sản phẩm từ Hải cẩu (DS 401) (Phần 1)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

Kiểm soát kim loại độc hại trong thiết bị điện tử

Điện thoại thông minh, máy tính, thiết bị gia dụng hay các sản phẩm điện tử hiện đại đều được cấu thành từ rất nhiều loại vật liệu và linh kiện. Trong số đó, một số kim loại như chì, thủy ngân và cadimi từng được sử dụng phổ biến nhờ những đặc tính kỹ thuật hữu ích. Tuy nhiên, đây cũng là những chất có thể gây tác động bất lợi đến sức khỏe con người và môi trường nếu không được kiểm soát phù hợp trong quá trình sản xuất, sử dụng và xử lý sản phẩm sau khi hết vòng đời.



Điện thoại thông minh, máy tính, thiết bị gia dụng hay các sản phẩm điện tử hiện đại đều được cấu thành từ rất nhiều loại vật liệu và linh kiện. Trong số đó, một số kim loại như chì, thủy ngân và cadimi từng được sử dụng phổ biến nhờ những đặc tính kỹ thuật hữu ích. Tuy nhiên, đây cũng là những chất có thể gây tác động bất lợi đến sức khỏe con người và môi trường nếu không được kiểm soát phù hợp trong quá trình sản xuất, sử dụng và xử lý sản phẩm sau khi hết vòng đời.

Theo Ủy ban Kỹ thuật điện Quốc tế (IEC), việc kiểm soát các kim loại độc hại trong sản phẩm điện, điện tử phải theo quy định pháp luật, tiêu chuẩn và khả năng kiểm chứng trên thực tế.

Một trong những ví dụ điển hình là Chỉ thị RoHS của Liên minh châu Âu về hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử. Các chất thuộc diện kiểm soát bao gồm chì, thủy ngân, cadimi, crom hóa trị sáu và một số chất chống cháy brom hóa. Những quy định như RoHS đã tạo ra thay đổi đáng kể trong cách ngành điện tử lựa chọn vật liệu, thiết kế sản phẩm và quản lý chuỗi cung ứng.

Tuy nhiên, việc đặt ra giới hạn đối với một chất chỉ là bước đầu tiên. Để quy định có thể được thực thi, cơ quan quản lý, nhà sản xuất và phòng thử nghiệm cần có phương pháp thống nhất để xác định sản phẩm thực tế có đáp ứng giới hạn đó hay không. Đây là lĩnh vực mà tiêu chuẩn quốc tế đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

IEC đã xây dựng bộ tiêu chuẩn IEC 62321 về xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện. Các tiêu chuẩn này cung cấp các phương pháp thử và phân tích để xác định sự hiện diện cũng như hàm lượng của các chất bị hạn chế trong vật liệu và linh kiện điện tử. Phiên bản IEC 62321-3-1:2026 mới được công bố tiếp tục cập nhật phương pháp sàng lọc bằng phổ huỳnh quang tia X (XRF). Phương pháp này có thể được sử dụng để sàng lọc các nguyên tố như chì, thủy ngân, cadimi, crom và một số nguyên tố khác trong vật liệu đồng nhất của sản phẩm kỹ thuật điện.

Ý nghĩa của những phương pháp thử tiêu chuẩn hóa không chỉ nằm trong phòng thí nghiệm. Trong một chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu, một sản phẩm có thể được thiết kế tại một quốc gia, sử dụng linh kiện từ nhiều thị trường khác nhau, lắp ráp tại một địa điểm khác và cuối cùng được bán tại hàng chục quốc gia. Nếu mỗi thị trường sử dụng một phương pháp thử khác nhau để xác định cùng một chất, doanh nghiệp có thể phải thử nghiệm lại sản phẩm nhiều lần, làm tăng cả thời gian và chi phí tuân thủ.

Một phương pháp thử được quốc tế công nhận giúp tạo ra một "ngôn ngữ kỹ thuật chung". Kết quả thử nghiệm có cơ sở để được so sánh giữa các phòng thử nghiệm, doanh nghiệp có thể kiểm soát nguyên liệu và nhà cung cấp tốt hơn, còn cơ quan quản lý có công cụ kỹ thuật để đánh giá việc đáp ứng các giới hạn được quy định. Điều này cũng cho thấy mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa quản lý hóa chất và thương mại sản phẩm điện tử. Khi một thị trường siết chặt giới hạn đối với chì, cadimi hoặc các chất nguy hại khác, tác động không chỉ dừng lại ở doanh nghiệp sản xuất cuối cùng. Các nhà cung cấp bảng mạch, linh kiện, vật liệu hàn, nhựa, lớp phủ và nhiều vật liệu đầu vào khác trong chuỗi cung ứng cũng phải có khả năng chứng minh thành phần sản phẩm của mình.

Đối với doanh nghiệp, vì vậy, tuân thủ không nên chỉ được hiểu là thử nghiệm sản phẩm sau khi đã hoàn thành. Việc kiểm soát chất nguy hại ngày càng phải được đưa vào từ khâu thiết kế, lựa chọn vật liệu và quản lý nhà cung cấp. Dữ liệu về thành phần vật liệu, kết quả thử nghiệm và khả năng truy xuất nguồn gốc trở thành một phần quan trọng của hồ sơ kỹ thuật sản phẩm.

Ở góc độ rộng hơn, câu chuyện về kim loại độc hại trong thiết bị điện tử cho thấy tác động thực tế của tiêu chuẩn đôi khi không dễ nhìn thấy. Người tiêu dùng có thể không nhận biết sự khác biệt giữa hai linh kiện có hoặc không chứa một lượng chất nguy hại vượt giới hạn. Nhưng phía sau sản phẩm là cả một hệ thống gồm quy định, giới hạn kỹ thuật, phương pháp thử, phòng thử nghiệm và hoạt động đánh giá sự phù hợp nhằm bảo đảm yêu cầu đó được thực hiện trong thực tế.

Trong bối cảnh sản lượng thiết bị điện tử tiếp tục tăng và vấn đề chất thải điện tử ngày càng được quan tâm, yêu cầu kiểm soát các chất nguy hại nhiều khả năng sẽ tiếp tục được tăng cường. Thách thức vì vậy không chỉ là xây dựng thêm các quy định, mà còn phải bảo đảm rằng các yêu cầu đó có thể đo lường, kiểm chứng và áp dụng nhất quán. Đó cũng chính là điểm mà tiêu chuẩn quốc tế tạo ra tác động rõ ràng nhất: chuyển một mục tiêu chính sách về bảo vệ sức khỏe và môi trường thành những yêu cầu kỹ thuật có thể được kiểm tra trong từng sản phẩm thực tế.

Nguồn: IEC, Tackling toxic metals in electronics: regulation and real-world impact.

<https://www.prd.iec.ch/blog/tackling-toxic-metals-electronics-regulation-real-world-impact>



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC
TỪ 11/7/2026 – 20/7/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ấn Độ	1	Yêu cầu ghi nhãn và đánh dấu đối với hàng may mặc, phụ kiện may mặc và các sản phẩm dệt may hoàn thiện, bao gồm thông tin về thành phần xơ, hướng dẫn chăm sóc và xuất xứ.
Brazil	10	Sửa đổi dấu nhận diện sự phù hợp đối với bình chữa cháy, bình chứa khí thiên nhiên dùng cho phương tiện và mũ bảo hiểm xe máy; giới hạn chì trong sơn và vật liệu phủ bề mặt; yêu cầu đo lường đối với ống đóng thủy tinh và thiết bị cân xe đang chuyển động; hiệu suất năng lượng đối với đèn và bộ đèn LED; chương trình quản lý an toàn hạt nhân; đánh giá sự phù hợp đối với bồn chứa nhiên liệu ô tô trên mặt đất.
Burundi	15	Tiêu chuẩn đối với bột ngô tăng cường vi chất, LPG, ngũ cốc ăn sáng, sữa có hương vị, đậu giàu sắt, gạo tăng cường vi chất, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, probiotic và cháo ăn liền; nước giải khát có ga và không ga, nước tăng lực; chiết xuất pyrethrum; hóa chất xử lý nước và natri sulfat khan.
Canada	4	Công nhận quyết định hoặc tài liệu của cơ quan quản lý nước ngoài đối với một số thuốc; sửa đổi lệnh cấm thức ăn chăn nuôi tăng cường; tiêu chuẩn thiết bị vô tuyến băng rộng; giấy phép cơ sở đối với thiết bị y tế.
Chile	2	Sửa đổi tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị vô tuyến tầm ngắn; sửa đổi quy định đối với hệ thống lắp đặt và đồng hồ đo khí trong nhà.
Colombia	2	Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật về lắp đặt điện (RETIE); sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng và chiếu sáng công cộng (RETILAP).
Cộng hòa Séc	3	Yêu cầu kỹ thuật, đo lường và thử nghiệm đối với dụng cụ đo đa chiều và chuẩn độ dài; sửa đổi quy định về kế toán, kiểm soát và báo cáo vật liệu hạt nhân.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Costa Rica	1	Kiểm soát chính thức và đánh giá sự phù hợp đối với thuốc.
Ecuador	5	Yêu cầu đối với giày an toàn, giày bảo hộ và giày lao động; bật lửa; đồ dùng bằng thủy tinh, gốm và gốm thủy tinh tiếp xúc với thực phẩm; thực hành sản xuất tốt đối với phòng thử nghiệm dược phẩm; thủ tục quản lý đối với mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh gia dụng và sản phẩm vệ sinh cá nhân thẩm hút.
El Salvador	2	Yêu cầu kỹ thuật, ghi nhãn, chứng nhận và nhập khẩu đối với mũ bảo hiểm xe máy; thực hành vệ sinh tốt và hệ thống HACCP đối với cơ sở chế biến mật ong.
Hàn Quốc	4	Tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng bình quân và phát thải khí nhà kính đối với ô tô và phương tiện thương mại hạng nặng; yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm an toàn đối với trí tuệ nhân tạo.
Hoa Kỳ	10	Hiện đại hóa cấp phép, giám sát an toàn và địa điểm xây dựng lò phản ứng hạt nhân; tiêu chuẩn đối với máy bay thể thao hạng nhẹ; phát thải từ tua-bin khí; thử nghiệm thiết bị tại cơ sở hạt nhân; bảo vệ bức xạ; phân hạng thịt bò; phát thải đối với động cơ xe hạng nặng; an toàn đường ống; triển khai và độ tin cậy của hệ thống gọi khẩn cấp thể hệ mới 911.
Jordan	1	Tiêu chuẩn đối với thức ăn sản xuất cho chó và mèo.
Kenya	19	Tiêu chuẩn đối với bột ngô tăng cường vi chất, LPG, ngũ cốc ăn sáng, sữa có hương vị, đậu giàu sắt, gạo tăng cường vi chất, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, probiotic và cháo ăn liền; các phần thịt bò, dê, cừu và lợn; lưu trữ, xử lý và vận chuyển bình LPG; nước giải khát, nước tăng lực; chiết xuất pyrethrum và hóa chất xử lý nước.
Kyrgyzstan	2	Gia hạn giai đoạn chuyển tiếp đối với một số quy định của Liên minh Kinh tế Á-Âu; sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thiết bị hoạt động dưới áp suất dư.
Liên bang Nga	1	Gia hạn giai đoạn chuyển tiếp đối với việc lưu thông một số sản phẩm theo các quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu.



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Litva	1	Đề xuất cấm bán, mua hộ hoặc chuyển giao một số đồ uống không cồn có tên gọi chứa tên nhóm đồ uống có cồn.
Nhật Bản	3	Yêu cầu kỹ thuật đối với cơ sở lưu trữ CO ₂ ; sửa đổi quy định an toàn sản phẩm tiêu dùng và yêu cầu kỹ thuật đối với thanh chắn giường dành cho trẻ em.
Rwanda	16	Tiêu chuẩn đối với bột ngô tăng cường vi chất, LPG, ngũ cốc ăn sáng, sữa có hương vị, đậu giàu sắt, gạo tăng cường vi chất, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, probiotic, cháo ăn liền; nắp hồ ga và nắp rãnh thoát nước; nước giải khát, nước tăng lực; chiết xuất pyrethrum và hóa chất xử lý nước.
Tanzania	15	Tiêu chuẩn đối với bột ngô tăng cường vi chất, LPG, ngũ cốc ăn sáng, sữa có hương vị, đậu giàu sắt, gạo tăng cường vi chất, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, probiotic và cháo ăn liền; nước giải khát, nước tăng lực; chiết xuất pyrethrum; hóa chất xử lý nước và natri sulfat khan.
Tây Ban Nha	1	Quản lý dầu công nghiệp đã qua sử dụng, bao gồm trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và quản lý chất thải.
Trung Quốc	8	Yêu cầu an toàn đối với thiết bị phát hiện và cảnh báo khí mê-tan, thiết bị đo dùng trong mỏ than, băng tải mỏ và hệ thống vận tải tự hành tại mỏ lộ thiên; hiệu suất năng lượng đối với đèn LED dạng tấm, nồi hơi công nghiệp và máy điều hòa không khí nguyên cụm; kiểm tra hệ thống nâng trong mỏ kim loại và phi kim loại.
Úc	1	Cập nhật tiêu chuẩn an toàn bắt buộc đối với đồ chơi sử dụng dưới nước nhằm giảm nguy cơ đuối nước ở trẻ em.
Uganda	16	Tiêu chuẩn đối với bột ngô tăng cường vi chất, LPG, ngũ cốc ăn sáng, sữa có hương vị, đậu giàu sắt, gạo tăng cường vi chất, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, probiotic và cháo ăn liền; bếp sinh khối sạch dùng cho cơ sở; nước giải khát, nước tăng lực; chiết xuất pyrethrum và hóa chất xử lý nước.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ukraina	1	Cơ chế giám sát, kiểm tra nhà nước đối với thuốc.
Việt Nam	4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; an toàn và bảo vệ môi trường đối với rơ-moóc và sơ-mi rơ-moóc; giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm; sửa đổi Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá.
Vương quốc Anh	1	Quy định hạn chế hoạt động tiếp thị đối với phương tiện tự động.



TIN CẢNH BÁO 11/7/2026 – 20/7/2026

Ấn Độ đề xuất quy định mới về ghi nhãn hàng may mặc và sản phẩm dệt may



Ngày 16/7/2026, Ấn Độ thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quy định về ghi nhãn và đánh dấu đối với hàng may mặc và các sản phẩm dệt may hoàn thiện năm 2025.

Dự thảo áp dụng đối với các sản phẩm dệt may thuộc Chương 61, 62 và 63 của Hệ thống HS, bao gồm quần áo dệt kim, quần áo không dệt kim và nhiều loại sản phẩm dệt may hoàn thiện. Phạm vi áp dụng

bao gồm cả sản phẩm nhập khẩu, phân phối hoặc bán tại thị trường Ấn Độ.

Theo dự thảo, mỗi sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh phải có nhãn bền, rõ ràng và thể hiện các thông tin bắt buộc như thành phần xơ, hướng dẫn chăm sóc, nước xuất xứ và thông tin về nhà sản xuất, người mua, thương hiệu hoặc nhà nhập khẩu. Đối với sản phẩm có yêu cầu an toàn đặc biệt, nhãn cũng phải thể hiện cảnh báo hoặc hướng dẫn sử dụng phù hợp.

Dự thảo còn yêu cầu thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc, có thể được thể hiện thông qua mã vạch, mã QR hoặc phương thức phù hợp khác. Nhãn dự kiến phải sử dụng tiếng Anh và tiếng Hindi bằng chữ Devanagari, đồng thời duy trì khả năng đọc được sau ít nhất 20 lần giặt gia dụng hoặc 5 lần giặt khô.

Đây là thông báo đáng chú ý đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu quần áo, hàng dệt gia dụng, khăn, rèm, chăn và các sản phẩm dệt may hoàn thiện sang Ấn Độ. Khi quy định có hiệu lực, doanh nghiệp có thể phải điều chỉnh thiết kế nhãn, bổ sung thông tin về

thành phần vật liệu, xuất xứ, hướng dẫn chăm sóc và thông tin truy xuất nguồn gốc trước khi hàng hóa được đưa ra thị trường.

Doanh nghiệp cũng cần lưu ý yêu cầu về độ bền của nhãn và các tiêu chuẩn được viện dẫn. Dự thảo quy định việc đánh giá sự phù hợp có thể liên quan đến các tiêu chuẩn của Ấn Độ về ghi nhãn và nhận dạng xơ dệt; hoạt động thử nghiệm được thực hiện bởi Ủy ban Dệt may hoặc các phòng thử nghiệm của Chính phủ Ấn Độ, bao gồm phòng thử nghiệm của BIS được công nhận theo ISO/IEC 17025.

Mục tiêu của biện pháp là nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người tiêu dùng, phòng ngừa thông tin sai lệch về thành phần và xuất xứ, đồng thời nâng cao chất lượng và giá trị thương hiệu của sản phẩm dệt may.

Dự kiến quy định được thông qua ngày 01/11/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2027. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 01/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Mã thông báo: G/TBT/N/IND/439.



Trung Quốc đề xuất tiêu chuẩn mới về hiệu suất năng lượng đối với máy điều hòa không khí nguyên cụm



Ngày 13/7/2026, Trung Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia quy định mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và phân hạng hiệu suất năng lượng đối với máy điều hòa không khí nguyên cụm.

Theo thông báo, dự thảo quy định các cấp hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp thử đối với các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh.

Tiêu chuẩn dự kiến áp dụng đối với máy điều hòa không khí nguyên cụm phục vụ mục đích tiện nghi sử dụng máy nén dẫn động bằng động cơ, thiết bị điều hòa cho trung tâm dữ liệu và phòng thông tin liên lạc, cũng như thiết bị điều hòa nguyên cụm sử dụng tại các trạm gốc viễn thông.

Một số sản phẩm không thuộc phạm vi điều chỉnh, gồm hệ thống điều hòa multi-split, thiết bị điều hòa đặt trên mái và hệ thống điều hòa hoặc bơm nhiệt dạng ống gió. Nhóm sản phẩm được thông báo thuộc HS 8415. WTO ghi nhận thời hạn góp ý đối với dự thảo là ngày 11/9/2026.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu thiết bị điều hòa không khí, thiết bị HVAC và các hệ thống làm mát chuyên dụng sang thị trường Trung Quốc. Những thay đổi về mức hiệu suất tối thiểu hoặc phương pháp thử có thể làm phát sinh nhu cầu đánh giá lại đặc tính kỹ thuật và hiệu suất năng lượng của sản phẩm.

Đối với các thiết bị dùng cho trung tâm dữ liệu và cơ sở viễn thông, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý việc các sản phẩm này được đưa cụ thể vào phạm vi của tiêu chuẩn. Việc sản phẩm không đáp ứng mức hiệu suất tối thiểu theo quy định cuối cùng có thể ảnh hưởng đến khả năng lưu thông trên thị trường.

Doanh nghiệp nên chủ động rà soát hiệu suất của các model đang xuất khẩu, phương pháp thử đang áp dụng và sự khác biệt giữa tiêu chuẩn hiện hành với dự thảo mới, đồng thời theo dõi thời điểm công bố phiên bản chính thức để có thời gian điều chỉnh sản phẩm và hồ sơ kỹ thuật.

Mục tiêu của biện pháp là nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và thúc đẩy tiết kiệm năng lượng đối với các nhóm thiết bị điều hòa thuộc phạm vi quản lý.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Tiêu chuẩn dự kiến có hiệu lực 12 tháng sau khi được phê duyệt. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 11/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Mã thông báo: G/TBT/N/CHN/2300.



Ecuador đề xuất sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật đối với giày an toàn, giày bảo hộ và giày lao động



Ngày 20/7/2026, Ecuador thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi lần thứ nhất Quy chuẩn kỹ thuật Ecuador PRTE INEN 264 đối với giày an toàn, giày bảo hộ và giày sử dụng trong lao động.

Dự thảo áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu và đưa ra thị trường Ecuador, bao gồm giày an toàn, giày bảo hộ và giày lao động. Phạm vi sản phẩm bao gồm nhiều mã HS thuộc Chương 64, trong đó có giày bằng cao su, nhựa, da và vật liệu dệt.

Một số nhóm sản phẩm chuyên dụng không thuộc phạm vi của quy chuẩn, như giày dành cho lính cứu hỏa, giày cách điện, giày bảo vệ chống thương tích do cưa xích, giày bảo vệ chống hóa chất hoặc kim loại nóng chảy và giày bảo hộ dành cho người điều khiển mô tô.

Đây là thông báo có liên quan đối với các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu giày dép, đặc biệt là các dòng giày bảo hộ và giày sử dụng trong môi trường làm việc. Với việc Ecuador xây dựng lại phạm vi quản lý đối với nhiều mã HS thuộc nhóm 6401, 6402, 6403, 6404 và 6405, doanh nghiệp cần xác định chính xác sản phẩm của mình có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không trước khi xuất khẩu.

Doanh nghiệp cũng nên rà soát các yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ chứng minh sự phù hợp áp dụng cho từng loại giày. Đối với sản phẩm được thiết kế với nhiều chức năng bảo vệ khác nhau, việc xác định đúng mục đích sử dụng và phân loại sản phẩm sẽ đặc biệt quan trọng, do một số loại giày chuyên dụng được loại khỏi phạm vi của quy chuẩn này và có thể chịu sự điều chỉnh của các yêu cầu khác.

Mục tiêu của dự thảo là phòng ngừa các hành vi có thể gây hiểu lầm cho người tiêu dùng và bảo vệ sức khỏe, an toàn của người sử dụng. WTO ghi nhận dự thảo bao phủ nhiều nhóm giày an toàn và bảo hộ, với thời hạn lấy ý kiến đến tháng 9/2026.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 18/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

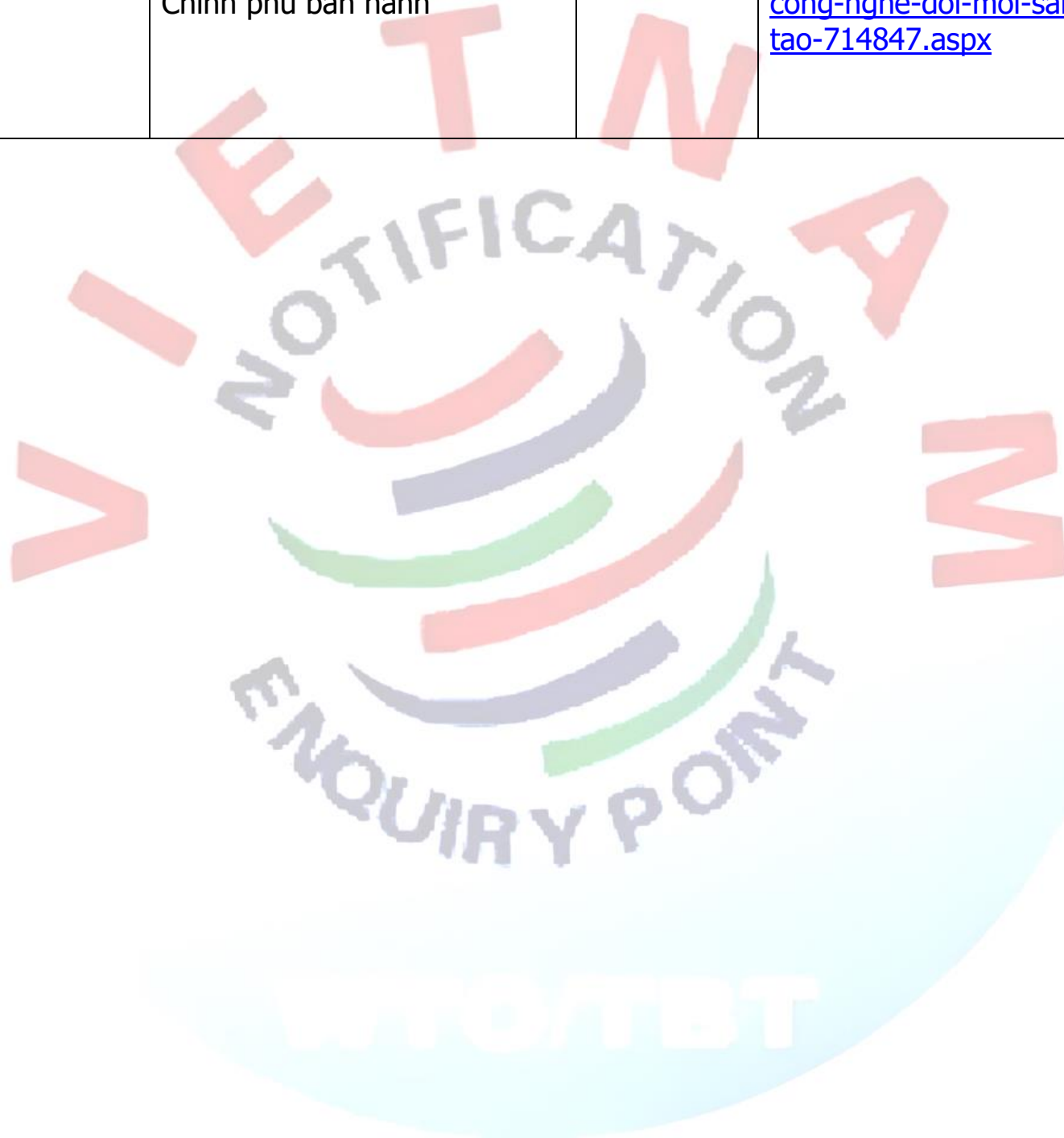
Mã thông báo: G/TBT/N/ECU/293/Rev.1.



DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Quyết định 2412/QĐ-UBND	Quyết định 2412/QĐ-UBND năm 2026 công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương thành phố Huế	Cập nhật: 10/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-33-2026-TT-BCT-Danh-muc-hang-hoa-co-muc-do-rui-ro-trung-binh-muc-do-rui-ro-cao-710258.aspx
2	Quyết định 2660/QĐ-UBND	Quyết định 2660/QĐ-UBND năm 2026 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới và bị bãi bỏ lĩnh vực Thương mại điện tử, Xuất nhập khẩu, Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương thành phố Hải Phòng	Cập nhật: 12/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-54-VBHN-BCT-2026-Thong-tu-huong-dan-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-713284.aspx
3	Quyết định 1769/QĐ-BCT	Quyết định 1769/QĐ-BCT năm 2026 về Chương trình hành động triển khai Chương trình Quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2026-2030 do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	Cập nhật: 15/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyết-dinh-1769-QĐ-BCT-2026-trien-khai-Chuong-trình-Quoc-gia-bao-ve-quyền-loi-người-tieu-dung-715220.aspx

4	Chỉ thị 29/CT-TTg	Chỉ thị 29/CT-TTg đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Cập nhật: 16/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Chi-thi-29-CT-TTg-2026-day-nhanh-tien-do-nhiem-vu-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-714847.aspx
---	-------------------	--	----------------------	---



Quan ngại thương mại của Trung Quốc đối với các yêu cầu đăng ký thuốc của Mexico tại phiên họp Ủy ban TBT WTO

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO, Trung Quốc đã nêu quan ngại đối với các quy định của Mexico về đăng ký lưu hành thuốc, bao gồm (1) NOM-059-SSA1-2015 về Thực hành tốt sản xuất thuốc (Good Manufacturing Practices in Pharmaceutical Production); (2) NOM-073-SSA1-2015 về nghiên cứu độ ổn định của thuốc (Stability of Pharmaceutical Preparations); (3) Hướng dẫn Hồ sơ kỹ thuật chung (Common Technical Document – CTD Guide).

Các quy định này do Ủy ban Liên bang về Bảo vệ chống Rủi ro Vệ sinh của Mexico (Federal Commission for Protection against Sanitary Risks – COFEPRIS) quản lý và thực hiện, nhằm quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với việc đăng ký lưu hành thuốc tại Mexico.

Theo các quy định hiện hành, khi xem xét hồ sơ đăng ký thuốc generic (thuốc tương đương sinh học), cơ quan quản lý Mexico yêu cầu các doanh nghiệp nước ngoài phải nộp toàn bộ hồ sơ gốc liên quan đến quá trình sản xuất và đánh giá chất lượng thuốc. Hồ sơ bao gồm toàn bộ biên bản thanh tra đối với cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc (Active Pharmaceutical Ingredient – API) và cơ sở sản xuất thành phẩm, cùng toàn bộ dữ liệu gốc của các nghiên cứu về độ ổn định của thuốc như sắc ký đồ (chromatograms), bảng số liệu thô và các tài liệu thử nghiệm khác.

Theo Mexico, các yêu cầu này nhằm hỗ trợ cơ quan quản lý đánh giá đầy đủ chất lượng, tính an toàn và hiệu quả của thuốc trước khi cấp phép lưu hành, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và bảo đảm chất lượng dược phẩm trên thị trường.

Trung Quốc nêu quan ngại

Trung Quốc cho rằng mặc dù việc bảo đảm chất lượng và an toàn của thuốc là mục tiêu quản lý chính đáng, nhưng các yêu cầu về hồ sơ kỹ thuật mà Mexico đang áp dụng vượt quá thông lệ quốc tế và có thể tạo ra gánh nặng tuân thủ không cần thiết đối với các doanh nghiệp xuất khẩu dược phẩm.

Theo Trung Quốc, việc yêu cầu doanh nghiệp nộp toàn bộ hồ sơ thanh tra gốc đối với cả cơ sở sản xuất nguyên liệu và cơ sở sản xuất thành phẩm, cũng như toàn bộ dữ liệu gốc



của các nghiên cứu độ ổn định, có phạm vi rộng hơn đáng kể so với các yêu cầu thông thường của nhiều cơ quan quản lý dược phẩm lớn trên thế giới. Trung Quốc cũng cho rằng các yêu cầu này chưa phù hợp với thông lệ quốc tế được áp dụng bởi Hội đồng Quốc tế về Hải hòa các yêu cầu kỹ thuật đối với dược phẩm dùng cho người (ICH), Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cũng như các cơ quan quản lý dược phẩm của Liên minh châu Âu. Theo các thông lệ này, việc đánh giá hồ sơ kỹ thuật thường tập trung vào các tài liệu cần thiết để chứng minh chất lượng, an toàn và hiệu quả của thuốc, trong khi việc xác minh dữ liệu gốc được thực hiện thông qua hoạt động thanh tra cơ sở sản xuất dựa trên đánh giá rủi ro.

Trên cơ sở đó, Trung Quốc đưa ra ba kiến nghị đối với Mexico.

- Thứ nhất, Trung Quốc đề nghị Mexico nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về hồ sơ kỹ thuật, đặc biệt là ICH M4Q(R2) đối với hồ sơ chất lượng dược phẩm. Đồng thời, việc xác minh dữ liệu gốc nên được chuyển sang quá trình thanh tra cơ sở sản xuất theo nguyên tắc quản lý rủi ro (risk-based GMP inspections), qua đó giúp cơ quan quản lý tập trung nguồn lực vào các khâu kiểm soát có mức độ rủi ro cao.

- Thứ hai, Trung Quốc đề nghị Mexico tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy cơ chế công nhận lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý dược phẩm. Theo đó, đối với các loại thuốc đã được cấp phép tại các hệ thống quản lý dược nghiêm ngặt, Mexico có thể xem xét công nhận một phần kết quả thanh tra hoặc đánh giá của các cơ quan quản lý nước ngoài nhằm giảm trùng lặp trong hoạt động đánh giá sự phù hợp.

- Thứ ba, trong trường hợp Mexico vẫn duy trì một số yêu cầu hiện hành sau quá trình rà soát, Trung Quốc đề nghị nước này ban hành các hướng dẫn thực hiện rõ ràng, minh bạch và dễ dự đoán để doanh nghiệp có thể chuẩn bị hồ sơ phù hợp, hạn chế phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết.

Phản hồi của Mexico

Đại diện Mexico cho biết toàn bộ các ý kiến của Trung Quốc đã được chuyển tới cơ quan quản lý có thẩm quyền là COFEPRIS để xem xét.

Mexico cũng thông tin rằng các quy định nêu trên hiện đang trong quá trình rà soát, do đó các góp ý của Trung Quốc được đánh giá là kịp thời và sẽ được phân tích một cách đầy đủ trong quá trình hoàn thiện các quy định. Bên cạnh đó, Mexico khẳng định sẽ tiếp tục duy trì đối thoại cởi mở và mang tính xây dựng với Trung Quốc, đồng thời cam kết xử lý các

vấn đề được nêu trong thời gian phù hợp nhằm tăng cường hợp tác song phương trong lĩnh vực quản lý dược phẩm.

Nhận xét

Quan ngại của Trung Quốc tập trung vào mức độ hợp lý của các yêu cầu về hồ sơ kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp trong quá trình đăng ký thuốc, thay vì phản đối mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng của Mexico. Các ý kiến của Trung Quốc phản ánh xu hướng ngày càng được nhiều Thành viên WTO quan tâm là hài hòa các yêu cầu kỹ thuật với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực dược phẩm. Trong khi đó, Mexico khẳng định đang rà soát các quy định liên quan và sẵn sàng xem xét các ý kiến góp ý của Trung Quốc. Việc duy trì đối thoại kỹ thuật giữa hai bên sẽ góp phần hoàn thiện các yêu cầu đăng ký thuốc theo hướng vừa đáp ứng mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng, vừa bảo đảm tính minh bạch, hài hòa với thông lệ quốc tế và hạn chế tạo ra các rào cản thương mại không cần thiết theo các nguyên tắc của Hiệp định TBT của WTO.



LIÊN MINH CHÂU ÂU - CÁC BIỆN PHÁP CẤM NHẬP KHẨU VÀ BUÔN BÁN CÁC SẢN PHẨM TỪ HẢI CẦU (DS 401) (Phần 1)

I. BỐI CẢNH VỤ TRANH CHẤP

Vụ tranh chấp giữa Na Uy và Liên minh Châu Âu (EU) xuất phát từ việc EU ban hành **Quy định (EC) Số 1007/2009** vào ngày 16 tháng 9 năm 2009 (sau đó được hướng dẫn chi tiết bởi **Quy định Ủy ban (EU) Số 737/2010**), thường được gọi là "**Quy chế Hải cầu EU**" (*EU Seal Regime*).

Bối cảnh cốt lõi của vụ tranh chấp bao gồm các yếu tố sau:

- **Lệnh cấm diện rộng:** EU áp đặt quy định cấm toàn bộ việc nhập khẩu và bán các sản phẩm từ hải cầu (bao gồm cả sản phẩm thô và đã qua chế biến) trên thị trường EU, với lý do giải quyết các mối quan ngại về đạo đức công cộng liên quan đến phúc lợi động vật trong hoạt động săn bắt hải cầu.

- **Các cơ chế ngoại lệ:** Quy chế của EU không cấm tuyệt đối mà thiết lập một số ngoại lệ cho phép sản phẩm hải cầu được lưu thông nếu đáp ứng các điều kiện cụ thể, đáng chú ý nhất là:

1. **Ngoại lệ dành cho người Inuit/cộng đồng bản địa (IC exception):** Áp dụng đối với các sản phẩm hải cầu xuất phát từ hoạt động săn bắt truyền thống của người Inuit hoặc các cộng đồng bản địa.

2. **Ngoại lệ quản lý nguồn lợi hải sản (MRM exception):** Áp dụng đối với các sản phẩm derived từ hoạt động săn bắt phục vụ mục đích quản lý tài nguyên biển.

- **Nguyên nhân phát sinh tranh chấp:** Na Uy—một quốc gia có ngành khai thác và xuất khẩu sản phẩm hải cầu—cho rằng Quy chế Hải cầu EU đã tạo ra sự phân biệt đối xử bất

hợp pháp. Cụ thể, các quy định và ngoại lệ này mang lại quyền truy cập ưu đãi vào thị trường EU cho các sản phẩm từ chính EU và một số quốc gia thứ ba (như Greenland/Đan Mạch), trong khi lại loại trừ các sản phẩm tương tự từ Na Uy. Đồng thời, Na Uy cáo buộc hệ thống thủ tục đánh giá sự phù hợp và chứng nhận của EU mang tính hạn chế thương mại và không đáp ứng khả năng thực thi.

Cho rằng các biện pháp trên của EU đã vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ thương mại quốc tế quy định tại **Hiệp định GATT 1994, Hiệp định Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT)** và **Hiệp định Nông nghiệp**, ngày 05 tháng 11 năm 2009, Na Uy đã chính thức gửi yêu cầu tham vấn với EU, khởi đầu cho tiến trình giải quyết tranh chấp tại Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

II. CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT TRONG VỤ TRANH CHẤP

1. Giai đoạn Tham vấn (Consultations)

- **Ngày 05/11/2009:** Na Uy gửi yêu cầu tham vấn với Cộng đồng Châu Âu (EC) liên quan đến Quy định (EC) Số 1007/2009 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ban hành ngày 16/09/2009 về thương mại các sản phẩm từ hải cẩu, cùng các biện pháp liên quan tiếp theo (gọi chung là "Quy chế Hải cẩu EC").

- **Cáo buộc của Na Uy:** Quy chế này cấm nhập khẩu và bán các sản phẩm từ hải cẩu đã qua chế biến và chưa chế biến, đồng thời chứa đựng một số ngoại lệ mang lại quyền truy cập ưu đãi vào thị trường EU cho các sản phẩm hải cẩu có nguồn gốc từ EC và một số quốc gia thứ ba, nhưng không áp dụng cho Na Uy.

- **Căn cứ pháp lý:** Na Uy cho rằng các biện pháp trên không phù hợp với nghĩa vụ của EC theo Điều 4.2 Hiệp định Nông nghiệp; Điều 2.1 và 2.2 Hiệp định TBT; cùng các Điều I:1, III:4 và XI:1 của Hiệp định GATT 1994.

- **Ngày 16/11/2009 & 20/11/2009:** Băng Đảo (Iceland) và Canada lần lượt gửi yêu cầu tham gia vào quá trình tham vấn.

- **Ngày 19/10/2010:** Na Uy tái yêu cầu tham vấn (yêu cầu tham vấn bổ sung) đối với Quy chế Hải cẩu EU. Phạm vi xem xét lúc này bao gồm:

1. Quy định (EC) Số 1007/2009.

2. Quy định Ủy ban (EU) Số 737/2010 (quy định chi tiết việc thực thi Quy định 1007/2009).

3. Việc không ban hành các quy trình phù hợp để xác định rằng các sản phẩm hải cẩu đáp ứng đủ điều kiện có thể được lưu thông trên thị trường EU.

4. Bất kỳ biện pháp thực thi liên quan nào khác.

- Cáo buộc bổ sung của Na Uy:

EU áp đặt lệnh cấm nhập khẩu/bán hàng và phân biệt đối xử thông qua các ngoại lệ có lợi cho sản phẩm từ EU và một số nước thứ ba.

Hệ thống chứng nhận sự phù hợp của EU mang tính phân biệt đối xử và hạn chế thương mại trên nhiều phương diện.

Quy định (EC) No. 1007/2009 và Quy định (EU) No. 737/2010 không thiết lập được các quy trình đầy đủ để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm hải cẩu nhập khẩu khi đưa vào thị trường EU.

Căn cứ pháp lý bổ sung: Na Uy cáo buộc EU vi phạm các Điều 2.1, 2.2, 5.1, 5.2, 5.4, 5.6, 6.1, 6.2, 7.1, 7.4, 7.5, 8.1 và 8.2 của Hiệp định TBT; các Điều I:1, III:4, XI:1 của GATT 1994 và Điều 4.2 của Hiệp định Nông nghiệp.

- **Ngày 28/10/2010:** Canada yêu cầu tham gia đợt tham vấn bổ sung.

- **Ngày 14/03/2011:** Na Uy yêu cầu thành lập Ban Báo cáo (Panel). Tại cuộc họp ngày 25/03/2011, Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) tạm hoãn việc thành lập.

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 03 tháng 7/2026

www.tbt.gov.vn



Thoát nhóm nước kém phát triển: Năng suất là chìa khóa cho chặng đường tiếp theo

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Thoát nhóm nước kém phát triển: Năng suất là chìa khóa cho chặng đường tiếp theo



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 21/7/2026 - 31/7/2026

9

Tin cảnh báo TBT số 03 tháng 7/2026

15

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Quan ngại thương mại

17

Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu và Thụy Sĩ đối với dự thảo quy định về nhãn dinh dưỡng Nutri-Mark của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) tại phiên họp Ủy ban TBT/WTO



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

20

Liên minh Châu Âu và một số quốc gia thành viên – một số biện pháp về nhập khẩu và tiếp thị nhiên liệu sinh học và các biện pháp hỗ trợ ngành công nghiệp nhiên liệu sinh học (Phần 2)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

Thoát nhóm nước kém phát triển: Năng suất là chìa khóa cho chặng đường tiếp theo

Năm 2026 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đối với một số nền kinh tế châu Á – Thái Bình Dương như Nepal, Bangladesh và Lào khi các quốc gia này chuẩn bị thoát nhóm các nước kém phát triển (LDC). Đây là một dấu mốc tích cực về phát triển, nhưng đồng thời cũng mở ra một giai đoạn mới với sức ép cạnh tranh lớn hơn khi những ưu đãi vốn dành cho các LDC bắt đầu thu hẹp.



Theo Tổ chức Năng suất châu Á (APO), sau khi thoát nhóm LDC, các nền kinh tế sẽ dần giảm khả năng tiếp cận nguồn tài chính ưu đãi, ưu đãi thương mại cũng như một số cơ chế đối xử đặc biệt và khác biệt. Trong điều kiện đó, lợi thế cạnh tranh không thể tiếp tục dựa chủ yếu vào các ưu đãi bên ngoài mà ngày càng phải được tạo ra từ năng lực nội tại, đặc biệt là năng suất.

Trường hợp của Nepal cho thấy khá rõ thách thức này. Theo số liệu được APO dẫn lại, nước này có thể mất khoảng 4,3% thu nhập xuất khẩu do những thay đổi về thuế quan sau khi thoát nhóm LDC trong năm 2026. Hai ngành xuất khẩu truyền thống là dệt may và thảm thủ công vốn có thị trường quốc tế nhưng đang chịu sức ép lớn từ chi phí sản xuất cao và năng suất lao động thấp.



Các nhà sản xuất hàng may mặc Nepal ước tính chi phí đơn vị của họ cao hơn ít nhất 25% so với Bangladesh, chủ yếu do thiếu kỹ năng và những bất cập về logistics. Các nhà xuất khẩu thảm cũng gặp khó khăn tương tự khi chi phí sản xuất cao khiến sản phẩm dệt thủ công của Nepal có giá cao hơn sản phẩm từ các nước cạnh tranh như Ấn Độ. Khi ưu đãi thuế quan giảm dần, những hạn chế về năng suất này sẽ càng bộc lộ rõ. Vì vậy, APO cho rằng năng suất không chỉ là một yếu tố thúc đẩy tăng trưởng, mà còn là cơ chế quan trọng giúp nền kinh tế thích ứng với chi phí cao hơn, yêu cầu thị trường khắt khe hơn và môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Kết quả tham vấn do APO thực hiện tại Nepal trong năm 2025 để hỗ trợ xây dựng Kế hoạch tổng thể Năng suất quốc gia cũng cho thấy những trở ngại đối với năng suất không chỉ nằm bên trong từng doanh nghiệp. Bất ổn chính sách, đặc biệt liên quan đến thuế nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước, được xác định là một trong những hạn chế lớn nhất. Bên cạnh đó là những vấn đề về giao thông và kết nối, quy định lao động, nguồn cung điện, chi phí tài chính, mức độ đa dạng hóa của nền kinh tế và sự không phù hợp giữa kỹ năng của lực lượng lao động với nhu cầu thị trường.

Chi phí logistics là một ví dụ điển hình. Tại Nepal, hạn chế về giao thông và kết nối có thể làm chi phí vận chuyển trên các tuyến miền núi và qua cửa khẩu tăng thêm khoảng 15–20%. Những điểm nghẽn này không chỉ ảnh hưởng đến ngành công nghiệp mà còn trực tiếp làm giảm hiệu quả của chuỗi giá trị nông nghiệp và khả năng cạnh tranh của hàng hóa. Trong khi đó, các ngành dịch vụ hiện đại, du lịch và kinh tế sáng tạo lại mở ra những hướng tăng trưởng mới nếu có thể nâng cao giá trị tạo ra trên mỗi lao động. Chuyển đổi số, sử dụng công nghệ thông tin điện tử, mở rộng tiếp cận Internet và dịch vụ điện tử cũng có thể góp phần giảm chi phí giao dịch và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường.

Đối với chuỗi giá trị nông nghiệp, tăng năng suất không đơn giản là sản xuất nhiều hơn. Khả năng kết nối giữa sản xuất với chế biến, bảo quản, logistics và thị trường mới là yếu tố quyết định việc nền kinh tế có thể chuyển từ những hoạt động giá trị thấp sang các phân khúc có giá trị cao hơn hay không. Hạ tầng điện ổn định và có chất lượng cũng là điều kiện nền tảng cho quá trình này.

Từ kinh nghiệm Nepal, APO cho rằng quá trình thoát nhóm LDC cần đi kèm với sự chuyển dịch từ các biện pháp hỗ trợ riêng lẻ sang một Chính sách năng suất cần được đặt trong khuôn khổ kế hoạch phát triển quốc gia, với vai trò rõ ràng của Chính phủ, doanh nghiệp và các đối tác phát triển. Quá trình này cũng cần được thực hiện theo từng bước. Giai đoạn đầu nên tập trung củng cố các thể chế về năng suất, nâng cao tính ổn định của môi trường chính sách, cải thiện phối hợp và xây dựng hệ thống dữ liệu. Tiếp đó là hỗ trợ doanh nghiệp và các ngành nâng cao năng lực, áp dụng công nghệ mới và mở rộng thị trường. Về dài hạn, những cải cách này cần được đưa vào hoạt động thường xuyên của các

thể chế để bảo đảm thành quả năng suất có thể được duy trì ngay cả khi các hình thức hỗ trợ tạm thời chấm dứt.

Thoát nhóm LDC vì vậy không đơn thuần là kết thúc một giai đoạn phát triển. Đây là thời điểm một nền kinh tế phải chứng minh khả năng cạnh tranh mà không còn phụ thuộc nhiều vào các ưu đãi dành cho những nước kém phát triển. Nếu những ưu đãi thương mại và hỗ trợ tài chính trước đây giống như một khoảng đệm, thì năng suất chính là nền tảng giúp nền kinh tế đứng vững sau khi khoảng đệm đó dần được thu hẹp.

Bài học từ Nepal cho thấy một chương trình năng suất được triển khai đồng bộ, bao trùm và gắn với khả năng chống chịu có thể giúp các nền kinh tế duy trì tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh và bước vào giai đoạn hậu LDC với nền tảng vững chắc hơn.

Nguồn: Asian Productivity Organization (APO), A Productivity Pathway toward LDC Graduation, 2026

<https://www.apo-tokyo.org/articles/a-productivity-pathway-toward-ldc-graduation/>



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC

TỪ 21/7/2026 – 31/7/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ấn Độ	1	Cơ chế chuyển tiếp về đánh giá sự phù hợp và kiểm soát chất lượng đối với điều hòa không khí và linh kiện; đồ nội thất; đồ chơi; bàn lễ; thiết bị điện; giày dép và linh kiện; máy giặt, bình nước nóng gia dụng và một số sản phẩm khác.
Ả Rập Xê Út	1	Hiệu suất năng lượng, phân hạng, thử nghiệm, ghi nhãn và đăng ký đối với thiết bị làm lạnh thương mại có chức năng bán hàng trực tiếp, bao gồm tủ trưng bày, tủ làm mát đồ uống, tủ đông kem và máy bán hàng lạnh.
Bolivia	1	Cập nhật danh mục sinh vật biến đổi gen được phép phục vụ yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm và sản phẩm tiêu dùng có chứa, được tạo thành từ hoặc có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen.
Brazil	2	Khai báo định lượng thành phần, cung cấp thông tin bằng công nghệ trên nhãn và ghi nhãn thực phẩm chiếu xạ; tiêu chuẩn nhận dạng và chất lượng đối với dầu hạt bông, dầu cải, dầu hướng dương, dầu ngô và dầu đậu tương tinh luyện.
Burundi	1	Tiêu chuẩn đối với cà phê hạt rang và cà phê rang xay.
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	2	Yêu cầu hiệu suất năng lượng và ghi nhãn năng lượng đối với màn hình máy tính; tivi và màn hình điện tử.
Cộng hòa Dominica	1	Điều kiện vệ sinh đối với sản xuất, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu, bao gói, bảo quản, phân phối, vận chuyển và kinh doanh thực phẩm, đồ uống chế biến.
Ecuador	12	Vật liệu ma sát dùng cho hệ thống phanh ô tô; hiệu suất năng lượng đối với lò điện, bình nước nóng điện tích trữ, máy rửa bát, bình nước nóng điện tức thời và máy bơm nước gia dụng; tấm thép và sàn thép liên hợp; vỏ thiết bị điện; thiết bị chiếu sáng công cộng; an toàn và hiệu suất nhiệt của bình

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
		nước nóng dùng khí; thanh và cột thép dùng cho hộ lan; nồi áp suất gia dụng.
Hàn Quốc	2	Ghi nhãn đối với sản phẩm làm sạch và vệ sinh, bao gồm sản phẩm nạp lại và sản phẩm kết hợp; phương thức thực hiện nghĩa vụ về an toàn đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo.
Hoa Kỳ	16	Quy định sử dụng mới, đánh giá rủi ro và quản lý một số hóa chất; tiêu chuẩn phanh đối với phương tiện trang bị hệ thống lái tự động; thủ tục xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng; hiện đại hóa cấp phép và giám sát cơ sở hạt nhân; yêu cầu chứng nhận bao gói; quản lý bao bì đồ uống; bãi bỏ quy định lỗi thời; an toàn sản phẩm dành cho trẻ em; tiêu chuẩn đối với nước cam thanh trùng; hiệu suất lớp thay thế.
Indonesia	3	Đánh giá việc thực hiện Hệ thống bảo đảm Halal; gia hạn chứng nhận Halal; đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm Halal của nước ngoài nhập khẩu vào Indonesia.
Israel	1	Yêu cầu cung cấp thông tin và ghi nhãn thực phẩm cho người tiêu dùng trên cơ sở áp dụng có điều chỉnh Quy định (EU) số 1169/2011.
Jordan	1	Yêu cầu về chất lượng, độ tinh khiết, lấy mẫu, thử nghiệm, ghi nhãn, bao gói và vận chuyển oxy dùng trong y tế.
Kenya	5	Tiêu chuẩn đối với giường gỗ, giường tầng; cà phê hạt rang và cà phê rang xay; dầu cây lau nhà; yêu cầu đối với premix và chất tăng cường vi chất dùng trong thực phẩm, bao gồm nhập khẩu, sản xuất và phân phối.
Liên minh châu Âu	3	Sử dụng bạc trong sản phẩm mỹ phẩm; điều kiện phân loại khả năng phản ứng với lửa không cần thử nghiệm đối với một số sản phẩm xây dựng; bổ sung một số sản phẩm có nguồn gốc làm vật liệu thành phần trong sản phẩm phân bón của EU.
Nam Phi	2	Sửa đổi quy chuẩn bắt buộc đối với phương tiện cơ giới thuộc nhóm M1 và N1.
New Zealand	1	Sửa đổi tiêu chuẩn nhóm đối với vật liệu đồ họa, bao gồm phạm vi sản phẩm, giới hạn độ tuổi trẻ em và quản lý sản phẩm có chứa thành phần nguy hại.
Nhật Bản	3	Yêu cầu thông báo trước khi nhập khẩu hạt giống bông để trồng; sửa đổi tiêu chuẩn và thử nghiệm xuất xưởng quốc gia đối với một số sản phẩm sinh học và vắc xin; sửa đổi quy



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
		định vô tuyến đối với hệ thống giám sát áp suất lốp và hệ thống khóa xe từ xa.
Peru	1	Bãi bỏ hệ thống đăng ký tổ chức đánh giá sự phù hợp được ủy quyền và quy định giai đoạn chuyển tiếp để các tổ chức tiếp tục hoạt động thực hiện công nhận tại INACAL.
Philippines	4	Cơ chế hỗ trợ và xử lý ưu tiên đối với hồ sơ thuốc sản xuất trong nước; thay đổi giấy phép đối với thiết bị y tế và sản phẩm liên quan; áp dụng tiêu chuẩn mới đối với thép thanh vằn; cơ chế thử nghiệm quản lý đối với cơ sở nạp lại một số mỹ phẩm và sản phẩm gia dụng.
Rwanda	14	Tiêu chuẩn đối với cà phê hạt rang và cà phê rang xay; nước súc miệng; sử dụng kính trong công trình; quy tắc thực hành hệ thống cấp thoát nước, nước nóng, khí đốt và khí y tế; hệ thống kích cỡ giày dép và quần áo; nắp hố ga và nắp rãnh thoát nước.
Tanzania	1	Tiêu chuẩn đối với cà phê hạt rang và cà phê rang xay.
Tây Ban Nha	2	Tiêu chí xác định xỉ lò hồ quang điện đã qua xử lý không còn được coi là chất thải để sử dụng làm cốt liệu; quản lý chất thải và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với khăn ướt dùng một lần và bóng bay chứa nhựa.
Thái Lan	9	Yêu cầu bắt buộc đối với mô-đun quang điện, cầu chì, bộ nghịch lưu, cầu dao DC và cáp điện dùng cho hệ thống điện mặt trời; pin lithium dùng trong hệ thống lưu trữ năng lượng; tiêu chuẩn và hướng dẫn về an toàn phơi nhiễm bức xạ đối với thiết bị vô tuyến; quản lý hàng hóa thuộc diện kiểm soát nhãn.
Uganda	3	Tiêu chuẩn đối với cà phê hạt rang và cà phê rang xay; đệm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; dầu bơ ăn được.
Ukraina	1	Hài hòa quy định với EU về sản xuất, lưu thông và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ.
Việt Nam	5	Phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa; quản lý ngoại thương đối với hàng tiêu dùng, phương tiện đã qua sử dụng, kim cương thô và hàng hóa áp dụng hạn ngạch thuế quan; an toàn đối với pháo hoa; dung sai kích thước và khối lượng phương tiện, máy thi công; an toàn và bảo vệ môi trường đối với mô tô, xe gắn máy.
Vương quốc Anh	2	Rút phê duyệt hoạt chất mepanipyrim; quản lý khăn ướt dùng một lần có chứa nhựa tại Scotland.

Indonesia đề xuất quy định về đánh giá việc thực hiện Hệ thống bảo đảm Halal



Ngày 23/7/2026, Indonesia thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quyết định của Cơ quan Tổ chức Bảo đảm Sản phẩm Halal (BPJPH) liên quan đến việc đánh giá thực hiện Hệ thống bảo đảm Halal.

Theo thông báo, dự thảo thiết lập các thủ tục đánh giá nhằm bảo đảm các sản phẩm đã được cấp chứng nhận Halal tiếp tục đáp ứng yêu cầu Halal trong quá trình sản xuất và lưu thông. Việc đánh giá có thể bao gồm báo cáo định kỳ, kiểm tra hồ sơ, đánh giá trực tiếp hoặc từ xa và cơ chế tự đánh giá đối với một số doanh nghiệp đủ điều kiện.

Dự thảo cũng áp dụng phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro, quy định các biện pháp xử lý sau đánh giá và việc cấp Giấy chứng nhận duy trì tính phù hợp Halal. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, doanh nghiệp có thể chịu các biện pháp xử lý hành chính theo quy định.

Phạm vi áp dụng rất rộng, bao gồm thực phẩm, đồ uống, dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm hóa chất, sản phẩm sinh học, sản phẩm biến đổi gen và hàng tiêu dùng thuộc diện bắt buộc chứng nhận Halal. Quy định cũng áp dụng đối với các dịch vụ liên quan đến giết mổ, chế biến, bảo quản, bao gói, phân phối, bán và phục vụ sản phẩm.

Đáng chú ý, biện pháp áp dụng đối với cả doanh nghiệp trong và ngoài Indonesia có chứng nhận Halal được cấp trực tiếp bởi BPJPH. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam sử dụng cơ chế chứng nhận trực tiếp của BPJPH cần lưu ý rằng việc được cấp chứng nhận không phải là bước cuối cùng mà có thể tiếp tục chịu sự đánh giá định kỳ trong quá trình chứng nhận còn hiệu lực.

Doanh nghiệp cần duy trì hồ sơ về nguyên liệu, quy trình sản xuất, kiểm soát Halal và các thay đổi có liên quan; đồng thời chuẩn bị khả năng cung cấp hồ sơ hoặc tham gia đánh giá khi được yêu cầu. Đối với các sản phẩm có chuỗi cung ứng phức tạp, việc duy trì khả năng truy xuất và kiểm soát nhà cung cấp sẽ càng có ý nghĩa.

Mục tiêu của dự thảo là tăng cường thông tin cho người tiêu dùng, phòng ngừa hành vi gây hiểu lầm và bảo đảm tính liên tục của việc tuân thủ yêu cầu Halal sau khi sản phẩm đã được chứng nhận.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 21/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến. WTO ghi nhận biện pháp này tại mã G/TBT/N/IDN/188.

Mã thông báo: G/TBT/N/IDN/188.



UAE đề xuất yêu cầu ghi nhãn hiệu suất năng lượng đối với tivi và màn hình điện tử



Ngày 23/7/2026, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về hiệu suất tiêu thụ năng lượng và ghi nhãn năng lượng đối với tivi và màn hình điện tử.

Dự thảo áp dụng đối với tivi và các loại màn hình điện tử được đưa ra thị trường UAE. Một số sản phẩm như màn hình có diện tích rất

nhỏ, máy chiếu, màn hình tích hợp trong điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính xách tay, thiết bị hiển thị hình ảnh y tế và một số màn hình chuyên dụng không thuộc phạm vi điều chỉnh.

Theo dự thảo, UAE quy định mức tiêu thụ năng lượng tối đa đối với thiết bị ở chế độ hoạt động, chế độ tắt, chế độ chờ và chế độ chờ có kết nối mạng. Văn bản cũng đưa ra phương pháp tính mức tiêu thụ dựa trên công nghệ màn hình, diện tích màn hình và một số hệ số bổ sung đối với màn hình có độ phân giải cao như 4K, 8K hoặc HDR.

Sản phẩm còn phải đáp ứng yêu cầu về chức năng tự động chuyển sang trạng thái tiêu thụ điện thấp. Chỉ số hiệu suất năng lượng được sử dụng để phân loại sản phẩm thành các cấp hiệu suất khác nhau.

Đáng chú ý, nhãn năng lượng dự kiến phải thể hiện các thông tin như cấp hiệu suất năng lượng, mã QR, mức tiêu thụ năng lượng, kích thước màn hình, độ phân giải và thông tin nhận dạng sản phẩm. Quy định cũng đưa ra yêu cầu thử nghiệm phục vụ việc xác minh sự phù hợp.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hoặc xuất khẩu tivi, màn hình và sản phẩm điện tử sang thị trường UAE. Doanh nghiệp có thể phải rà soát

mức tiêu thụ điện của từng model, kết quả thử nghiệm, cách xác định cấp hiệu suất và thiết kế nhãn trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

Dự thảo tham chiếu các tiêu chuẩn IEC liên quan đến đo công suất tiêu thụ của tivi và màn hình điện tử. Việc sử dụng phương pháp thử thống nhất theo tiêu chuẩn quốc tế có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị dữ liệu kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

Mục tiêu của biện pháp là nâng cao hiệu suất năng lượng, cung cấp thông tin minh bạch cho người tiêu dùng, giảm tiêu thụ điện và hỗ trợ các mục tiêu về tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững của UAE.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 21/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến. WTO ghi nhận thông báo với mã G/TBT/N/ARE/709.

Mã thông báo: G/TBT/N/ARE/709.



Ecuador sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật đối với vật liệu ma sát dùng trong hệ thống phanh ô tô



Ngày 31/7/2026, Ecuador thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi lần thứ hai Quy chuẩn kỹ thuật Ecuador PRTE INEN 053 đối với vật liệu ma sát dùng trong hệ thống phanh phương tiện cơ giới.

Theo thông báo, quy chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu và đưa ra thị trường Ecuador, bao gồm má phanh, bố phanh và vật liệu ma sát dùng trong hệ thống phanh của nhiều nhóm phương tiện cơ giới.

Phạm vi điều chỉnh bao gồm các vật liệu ma sát chưa lắp ráp thuộc nhóm HS 6813 và phanh, trợ lực phanh cũng như một số bộ phận thuộc nhóm HS 870830. Đây là các sản phẩm được sử dụng trực tiếp trong hệ thống an toàn của phương tiện.

Dự thảo viện dẫn nhiều tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến thử nghiệm vật liệu ma sát, trong đó có các phương pháp xác định biến dạng nén, độ bền cắt, tác động của nhiệt, đặc tính ma sát và kiểm soát chất lượng. Các yêu cầu về năng lực của phòng thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp cũng được đưa vào hệ thống tài liệu tham chiếu.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hoặc xuất khẩu linh kiện ô tô, đặc biệt là má phanh, bố phanh và vật liệu ma sát sang Ecuador. Doanh nghiệp có thể phải rà soát tiêu chuẩn kỹ thuật đang áp dụng, kết quả thử nghiệm và hồ sơ chứng minh sự phù hợp của sản phẩm.

Việc quy chuẩn sử dụng nhiều phương pháp thử ISO và các tiêu chuẩn quốc tế khác cũng đòi hỏi doanh nghiệp xác định rõ phiên bản tiêu chuẩn được áp dụng và bảo đảm kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi tổ chức có năng lực phù hợp.

Mục tiêu của biện pháp là phòng ngừa hành vi gây hiểu lầm, bảo vệ người tiêu dùng và tăng cường an toàn cho người sử dụng phương tiện.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 29/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Mã thông báo: G/TBT/N/ECU/62/Rev.1.



DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Quyết định 70/2026/QĐ-UBND	Quyết định 70/2026/QĐ-UBND sửa đổi Quyết định 126/2025/QĐ-UBND phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu do tỉnh Thanh Hóa ban hành	Cập nhật: 21/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-70-2026-QD-UBND-sua-doi-Quyet-dinh-126-2025-QD-UBND-Thanh-Hoa-715826.aspx
2	Thông tư 41/2026/TT-BCT	Thông tư 41/2026/TT-BCT quy định Danh mục phế liệu và Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	Cập nhật: 22/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-tu-41-2026-TT-BCT-Danh-muc-phe-lieu-da-qua-su-dung-tam-ngung-kinh-doanh-716307.aspx
3	Quyết định 04/QĐ-HĐĐHTT TC	Quyết định 04/QĐ-HĐĐHTTTC năm 2026 phê duyệt Kế hoạch phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đến năm 2035 do Hội đồng điều hành Trung tâm Tài chính quốc tế tại Việt Nam ban hành	Cập nhật: 22/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-1769-QD-BCT-2026-trien-khai-Chuong-trinh-Quoc-gia-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung-715220.aspx

4	Nghị định 292/2026/NĐ-CP	Nghị định 292/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương	Cập nhật: 22/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-292-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Quan-ly-ngoai-thuong-716030.aspx
5	Thông tư 16/2026/TT-BNV	Thông tư 16/2026/TT-BNV quy định Danh mục sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Cập nhật: 28/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Chi-thi-29-CT-TTg-2026-day-nhanh-tien-do-nhiem-vu-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-714847.aspx
6	Thông tư 42/2026/TT-BCT	Thông tư 42/2026/TT-BCT quy định Danh mục chi tiết hàng hóa lưỡng dụng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	Cập nhật: 29/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-42-2026-TT-BCT-quy-dinh-Danh-muc-chi-tiet-hang-hoa-luong-dung-717301.aspx
7	Thông báo 410/TB-VPCP	Thông báo 410/TB-VPCP năm 2026 kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu tại cuộc họp về dự thảo Nghị định hướng dẫn Nghị quyết 20/2026/QH16 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế do Văn phòng Chính phủ ban hành	Cập nhật: 30/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-292-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Quan-ly-ngoai-thuong-716030.aspx



Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu và Thụy Sĩ đối với dự thảo quy định về nhãn dinh dưỡng Nutri-Mark của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) tại phiên họp Ủy ban TBT/WTO

Ngày 28/10/2025, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) đã thông báo tới các Thành viên WTO dự thảo Quy định kỹ thuật về các yêu cầu đối với nhãn dinh dưỡng Nutri-Mark trên mặt trước bao bì (Technical Regulations for Requirements for the Nutri-Mark on Front of Pack Labelling) theo thông báo G/TBT/N/ARE/679.

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO, các nước gồm Liên minh châu Âu (EU) và Thụy Sĩ đã bày tỏ quan ngại đối với biện pháp nêu trên.

Quan ngại của EU

EU cho rằng việc ghi nhãn dinh dưỡng trên mặt trước bao bì có thể đóng vai trò là một công cụ hiệu quả nếu được xây dựng trên cơ sở khoa học, bảo đảm tính tương xứng và không tạo ra các rào cản thương mại không cần thiết. Tuy nhiên, EU bày tỏ một số quan ngại đối với dự thảo quy định của UAE liên quan đến sự phù hợp với Hiệp định TBT, việc triển khai trên thực tế và những tác động kinh tế có thể phát sinh như sau:

1. Liên quan đến Điều 2.1 của Hiệp định TBT, EU cho rằng việc áp dụng bắt buộc hệ thống Nutri-Mark có thể dẫn đến sự đối xử phân biệt trên thực tế (de facto discriminatory treatment). Theo EU, nhiều loại thực phẩm được sản xuất trong nước tại UAE được tiêu thụ dưới dạng thực phẩm tươi hoặc không đóng gói nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định. Trong khi đó, phần lớn thực phẩm nhập khẩu đều là sản phẩm đóng gói sẵn và do đó sẽ phải tuân thủ yêu cầu ghi nhãn Nutri-Mark.

2. Đối với Điều 2.2 của Hiệp định TBT, EU thừa nhận mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng là mục tiêu chính đáng. Tuy nhiên, EU nhấn mạnh rằng các quy định kỹ thuật không nên tạo ra các hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu đó. EU cho rằng việc áp dụng bắt buộc một hệ thống Nutri-Mark riêng của UAE có thể làm phát sinh các chi phí bổ sung đáng kể, bao gồm việc thiết kế bao bì riêng cho thị trường UAE và thực hiện các thủ tục đăng ký liên quan. Vì vậy, EU đặt câu hỏi liệu mục tiêu bảo vệ sức khỏe



cộng đồng có thể đạt được thông qua các biện pháp ít hạn chế thương mại hơn, như áp dụng trên cơ sở tự nguyện, triển khai theo lộ trình hoặc tăng cường hài hòa với các quy định trong khu vực.

3. EU cho rằng lộ trình thực hiện được đề xuất dường như chưa đủ, trong khi doanh nghiệp cần thực hiện nhiều thay đổi đối với bao bì và hoàn thành các thủ tục quản lý liên quan. Ngoài ra, EU cho rằng một số nội dung quan trọng của dự thảo vẫn chưa được làm rõ, bao gồm: (i) phương pháp tính điểm của Nutri-Mark; (ii) việc có được phép sử dụng nhãn dán (stickers) hay không; (iii) vai trò và trách nhiệm của cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Theo EU, những nội dung chưa rõ này có thể ảnh hưởng đến tính dự đoán của quy định và việc thực thi thống nhất.

4. EU lưu ý rằng khuôn khổ ghi nhãn dinh dưỡng của Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC) hiện đang áp dụng theo hình thức tự nguyện. Theo EU, việc UAE áp dụng riêng một hệ thống bắt buộc có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và tạo thêm gánh nặng cho các doanh nghiệp hoạt động tại nhiều nước trong khu vực.

Trên cơ sở đó, EU khuyến nghị UAE tiếp tục xem xét các nội dung liên quan đến tính tương xứng của biện pháp, nguyên tắc không phân biệt đối xử, tính rõ ràng của quy định, lộ trình thực hiện và sự thống nhất với khuôn khổ khu vực. EU cũng bày tỏ sẵn sàng tiếp tục trao đổi mang tính xây dựng với UAE nhằm tìm kiếm các giải pháp vừa bảo vệ sức khỏe cộng đồng vừa bảo đảm phù hợp với Hiệp định TBT.

Quan ngại của Thụy Sĩ

Thụy Sĩ cảm ơn UAE đã thông báo dự thảo quy định về ghi nhãn dinh dưỡng Nutri-Mark và khẳng định chia sẻ mục tiêu chính đáng của UAE trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và bảo đảm người tiêu dùng được cung cấp đầy đủ thông tin. Thụy Sĩ đồng thời bày tỏ ủng hộ các quan ngại mà Liên minh châu Âu đã nêu và nhắc lại các ý kiến bằng văn bản đã gửi cho UAE vào tháng 12/2025, trong đó đề nghị làm rõ lộ trình thực hiện và một số nội dung liên quan đến việc triển khai quy định.

Trước hết, Thụy Sĩ cho rằng cần dành thời gian chuyển tiếp đủ dài để các doanh nghiệp thực phẩm có thời gian thiết kế lại nhãn hàng hóa, in bao bì mới và tiêu thụ hết lượng hàng tồn kho. Thụy Sĩ cũng cho rằng nên tránh trường hợp các sản phẩm đã được nhập khẩu vào UAE phải đóng gói hoặc ghi nhãn lại, vì điều này sẽ làm phát sinh chi phí bổ sung không tương xứng cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Thụy Sĩ đề nghị UAE làm rõ liệu biện pháp được đề xuất có phải là cơ chế tự công bố (self-declaration) hay không, đồng thời hỏi liệu doanh nghiệp có được phép dán nhãn sau khi hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan hay không.

Cuối cùng, Thụy Sĩ khuyến khích UAE tăng cường hài hòa với các hệ thống ghi nhãn dinh dưỡng tương tự hiện có và phối hợp chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp nhằm giảm thiểu tác động đối với hoạt động thương mại. Thụy Sĩ cũng bày tỏ sẵn sàng tiếp tục đối thoại song phương với UAE về vấn đề này.

Phản hồi của UAE

Tại phiên họp, đại diện UAE không đưa ra phản hồi đối với các quan ngại do Liên minh châu Âu và Thụy Sĩ nêu.

Nhìn chung, các ý kiến của Liên minh châu Âu và Thụy Sĩ đều thể hiện sự ủng hộ đối với mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng của UAE, đồng thời đề nghị UAE xem xét một số nội dung trong dự thảo nhằm bảo đảm việc thực hiện quy định minh bạch hơn và phù hợp với các nguyên tắc của Hiệp định TBT.



**LIÊN MINH CHÂU ÂU — CÁC BIỆN PHÁP CẤM NHẬP KHẨU VÀ BUÔN
BÁN CÁC SẢN PHẨM TỪ HẢI CẦU (DS 401)
(Phần 2)**

2. Tiến trình của Ban Báo cáo và Cơ quan Phúc thẩm

a. Thành lập Ban Báo cáo và Quá trình Xem xét

- Ngày 21/04/2011: DSB chính thức thành lập Ban Báo cáo. Theo Điều 9.1 của Thỏa thuận Giải quyết Tranh chấp (DSU) về trường hợp có nhiều bên khiếu nại, DSB quyết định Ban Báo cáo đã thành lập ngày 25/03/2011 để xem xét đơn khiếu nại của Canada (DS400) cũng sẽ đồng thời xem xét đơn khiếu nại này của Na Uy.

- Các bên thứ ba bảo lưu quyền lợi: Argentina, Canada, Trung Quốc, Colombia, Ecuador, Băng Đảo (Iceland), Nhật Bản, Mexico, Namibia, Hoa Kỳ và sau đó là Liên bang Nga.

- Ngày 24/09/2012: Canada và Na Uy yêu cầu Tổng Giám đốc WTO quyết định nhân sự/thành phần Ban Báo cáo.

- Ngày 04/10/2012: Tổng Giám đốc chỉ định thành phần Ban Báo cáo.

- Ngày 04/04/2013: Chủ tịch Ban Báo cáo thông báo cho DSB dự kiến ban hành báo cáo cuối cùng cho các bên vào tháng 10/2013.

- Ngày 25/11/2013: Báo cáo của Ban Báo cáo được gửi đến các Thành viên.

b. Tóm tắt các Kết luận Pháp lý của Ban Báo cáo

- Về Hiệp định TBT:

+ Quy chế Hải cầu EU được xác định là một "quy chuẩn kỹ thuật" (technical regulation).

+ Quy chế **không vi phạm Điều 2.2 Hiệp định TBT** vì nó đạt được mục tiêu giải quyết các mối quan ngại về đạo đức công cộng tại EU liên quan đến phúc lợi động vật, và không có biện pháp thay thế nào được chứng minh là đóng góp tương đương hoặc tốt hơn cho mục tiêu này.

+ EU hành động **không phù hợp với Điều 5.1.2 Hiệp định TBT** vì các quy trình đánh giá sự phù hợp không thể đáp ứng cho việc thương mại các sản phẩm đủ điều kiện ngay từ thời điểm Quy chế có hiệu lực.

+ Bác bỏ cáo buộc theo Điều 5.2.1 Hiệp định TBT do bên khiếu nại chưa chứng minh được EU không tiến hành/hoàn tất quy trình đánh giá sự phù hợp một cách nhanh chóng nhất có thể.

- Về Hiệp định GATT 1994:

+ **Ngoại lệ dành cho người Inuit/Cộng đồng bản địa (IC exception):** Vi phạm Điều I:1 do ưu đãi dành cho sản phẩm từ Greenland (dành cho người Inuit) không được áp dụng ngay lập tức và không điều kiện cho sản phẩm tương tự từ Na Uy.

+ **Ngoại lệ Quản lý nguồn lợi hải sản (MRM exception):** Vi phạm Điều III:4 do dành sự đối xử kém thuận lợi hơn cho sản phẩm nhập khẩu so với sản phẩm nội địa tương tự.

+ **Bào chữa theo Điều XX:** Cả hai ngoại lệ IC và MRM **đều không được chấp nhận bào chữa theo Điều XX(a)** (*cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng*) do không đáp ứng đoạn mở đầu (chapeau) của Điều XX (áp dụng gây phân biệt đối xử độc đoán/bất hợp lý hoặc cấu thành hạn chế nguy trang đối với thương mại quốc tế). EU cũng không đưa ra được chứng cứ ban đầu (prima facie) để bào chữa theo **Điều XX(b)** (*cần thiết để bảo vệ đời sống/sức khỏe động vật*).

+ **Các điều khoản khác:** Bác bỏ cáo buộc vi phạm Điều XI:1 GATT 1994 và Điều 4.2 Hiệp định Nông nghiệp. Do đã xác định có vi phạm, Ban Báo cáo xét thấy không cần thiết phải đưa ra phán quyết đối với các cáo buộc không vi phạm (*non-violation claims*) theo Điều XXIII:1(b) GATT 1994.

3. Giai đoạn Kháng cáo lên Cơ quan Phúc thẩm

- Ngày 24/01/2014 & 29/01/2014: Na Uy và EU lần lượt thông báo cho DSB về quyết định kháng cáo một số vấn đề pháp lý và cách giải thích pháp luật của Ban Báo cáo.

- Thời gian gia hạn:

+ 24/03/2014: Chủ tịch Cơ quan Phúc thẩm thông báo không thể phát hành báo cáo trong thời hạn 60 ngày hoặc 90 ngày (theo Điều 17.5 DSU) do quy mô kháng cáo, số lượng và tính phức tạp của các vấn đề; dự kiến ban hành muộn nhất vào 20/05/2014.

+ 16/05/2014: Cơ quan Phúc thẩm tiếp tục thông báo hoãn do thời gian dịch thuật và khối lượng công việc hiện tại.

+ Ngày 22/05/2014: Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm chính thức được gửi đến các Thành viên.

+ Ngày 18/06/2014: Tại cuộc họp của DSB, DSB chính thức thông qua Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm và Báo cáo của Ban Báo cáo (đã được sửa đổi bởi Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm).

Tóm tắt kết luận của Ban Báo cáo:

1. Bản chất biện pháp: Quy chế Hải cẩu EU là một "quy chuẩn kỹ thuật" và **không vi phạm Điều 2.2 Hiệp định TBT** do nhằm đáp ứng mối quan ngại đạo đức cộng đồng về phúc lợi động vật.

2. Vi phạm GATT 1994:

- Ngoại lệ dành cho cộng đồng người Inuit/bản địa (IC exception) vi phạm Điều I:1 do ưu đãi Greenland mà không dành ngay lập tức/không điều kiện cho Na Uy.

- Ngoại lệ về quản lý nguồn lợi hải sản (MRM exception) vi phạm Điều III:4 do đối xử kém thuận lợi hơn với sản phẩm nhập khẩu so với nội địa.

- Cả hai ngoại lệ đều không được bào chữa theo Điều XX(a) (Đạo đức công cộng) hay Điều XX(b) (Bảo vệ đời sống/sức khỏe động vật) của GATT 1994.

(Còn nữa...)

